

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 738/BTP-VP

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2015

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tại
Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIII

Kính gửi:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, An Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bình Dương, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kiên Giang, Lai Châu, Lào Cai, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Nghệ An, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Bình, Tây Ninh, Tiền Giang, Tuyên Quang, Yên Bái;
- Ban Dân nguyện, Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ,

Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 488/BDN ngày 05/12/2014 của Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công văn số 10250/VPCP-V.III ngày 22/12/2014 và Công văn số 10392/VPCP-V.III ngày 25/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII, với tổng số 58 kiến nghị (53 kiến nghị do Ban Dân nguyện chuyển, 5 kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển). Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy trong số các kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển đến, kiến nghị số 03 (Công văn số 10250/VPCP-V.III) không thuộc thẩm quyền trả lời và đã có Công văn số 5211/BTP-VP ngày 25/12/2014 gửi Văn phòng Chính phủ. Do vậy, tổng số kiến nghị thực tế thuộc thẩm quyền trả lời của Bộ Tư pháp là 57.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Tư pháp xin trả lời các kiến nghị của cử tri theo nhóm vấn đề như sau:

I. Kiến nghị về công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), kiểm soát thủ tục hành chính

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Lâm Đồng, Hưng Yên, Hải Dương, Tuyên Quang, Đồng Nai, Phú Thọ:

a) **Cử tri các tỉnh Lâm Đồng, Hưng Yên, Hải Dương, Tuyên Quang:** Việc xây dựng luật và văn bản dưới luật cân đồng bộ, thống nhất, kịp thời, cụ thể, ngắn gọn, giảm thiểu các thủ tục hành chính để nhân dân dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện. Hiện nay, các văn bản luật, văn bản dưới luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, chồng chéo, không cụ thể. Đề nghị rà soát việc ban hành luật, các nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện luật phải được ban hành kịp thời, không trái luật, chồng chéo... Các nghị định, thông tư đã ban hành nhưng chưa phù hợp, có nhiều ý kiến phản hồi từ người dân và doanh nghiệp, đề nghị cần sửa đổi, bổ sung kịp thời để tháo gỡ khó khăn, phù hợp thực tiễn.

b) Cử tri tỉnh Đồng Nai: Kiến nghị xác định rõ trách nhiệm các Bộ, ngành liên quan trong việc ban hành các văn bản dưới luật (nghị định, thông tư) để hướng dẫn việc thi hành luật, đảm bảo tính đồng bộ, để áp dụng trong thực tiễn cuộc sống.

c) Cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị các Bộ, ngành có liên quan sớm ban hành các văn bản hướng dẫn và biểu mẫu cần thiết để triển khai thực hiện thống nhất khi các Nghị định mới ban hành đã có hiệu lực như: Nghị định 111/2013/NĐ-CP quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

d) Cử tri tỉnh Phú Thọ: Đề nghị Chính phủ xem xét có giải pháp tăng cường kiểm tra việc ban hành các văn bản pháp luật, hướng dẫn và thi hành pháp luật tại các Bộ, ngành và địa phương, tránh như thời gian vừa qua có một số văn bản hướng dẫn thi hành chính sách không phù hợp với thực tế như: Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04/7/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Bà mẹ Việt Nam anh hùng được cộng điểm ưu tiên khi thi Đại học...

đ) Cử tri tỉnh, thành phố Hải Phòng, Hải Dương: Đề nghị nghiên cứu sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng quy định trách nhiệm của cá nhân (người đứng đầu), tổ chức trong việc ban hành chính sách, quy định pháp luật không phù hợp với thực tiễn, gây thiệt hại cho xã hội, doanh nghiệp, người dân và ngân sách nhà nước.

e) Cử tri thành phố Cần Thơ: Nhiều cử tri bày tỏ sự không đồng tình việc một số Bộ, ngành Trung ương trong thời gian vừa qua đã ban hành hoặc tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành một số chủ trương, chính sách không sát với thực tế, gây bức xúc trong dư luận xã hội (điển hình như: Quy định xử phạt người đội mũ bảo hiểm không đảm bảo chất lượng). Cử tri kiến nghị Chính phủ cần có giải pháp chấn chỉnh vấn đề này.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Trong những năm qua, công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành, nhất là sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 67/2013/QH13 ngày 29/11/2013 về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, đồng thời đề ra nhiều giải pháp nhằm tăng cường công tác xây dựng pháp luật nói chung và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nói riêng. Việc kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết đã được quan tâm thực hiện và báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 và Kỳ họp thứ 8. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Chính phủ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình xây dựng, ban hành VBQPPL; định kỳ hàng tháng báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ

và Bộ Tư pháp. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã chủ động, tích cực hơn trong việc soạn thảo, trình ban hành văn bản quy định chi tiết, từng bước hạn chế tình trạng xin điều chỉnh Chương trình.

Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành đã tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm, xác định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, không xem xét khen, tặng danh hiệu thi đua cho các đơn vị, cá nhân để xảy ra tình trạng chậm ban hành, nợ văn bản quy định chi tiết. Qua đó, việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, các biểu mẫu cần thiết để triển khai thi hành các Nghị định đã được các Bộ, ngành triển khai thực hiện khá kịp thời. Đối với Nghị định số 111/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, để đảm các quy định của Nghị định được triển khai trong thực tế, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định, Bộ Tư pháp đã xây dựng, ban hành Thông tư số 20/2014/TT-BTP ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên.

Với sự nỗ lực, cố gắng nêu trên của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, công tác xây dựng pháp luật năm 2014 đã có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng văn bản nợ đọng đã giảm xuống thấp nhất trong 10 năm qua, được Quốc hội ghi nhận tại Kỳ họp thứ 7 và Kỳ họp thứ 8. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thẩm định VBQPPL đã có nhiều đổi mới trong quy trình, cách thức thực hiện bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ với nhau và tập trung về một đầu mối là tổ chức pháp chế của các Bộ, ngành và Bộ Tư pháp. Qua đó, các quy định về thủ tục hành chính đã được “sàng lọc”, cơ bản bảo đảm có chất lượng, nhiều thủ tục rườm rà, không cần thiết trong các dự án, dự thảo VBQPPL đã được loại bỏ, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; khả năng phát hiện sai sót và phản ứng chính sách được thực hiện kịp thời hơn. Chất lượng các VBQPPL nói chung, văn bản quy định chi tiết nói riêng đã được nâng lên đáng kể, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng pháp luật ở nước ta còn có một số bất cập, hạn chế đúng như ý kiến của các cử tri đã nêu, trong đó nổi lên như: (1) Việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nói chung và văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh nói riêng còn chậm, không bảo đảm tính kịp thời có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh. (2) Còn tình trạng một số văn bản chưa bảo đảm chất lượng, có nội dung thiếu tính khả thi, chưa sát với thực tiễn hoặc chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do:

Về chủ quan: (1) Một số Bộ, cơ quan ngang Bộ chưa thực sự quyết liệt trong việc chỉ đạo công tác xây dựng VBQPPL nói chung và ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh nói riêng; chưa chủ động, kịp thời tổ chức

triển khai thi hành luật, pháp lệnh và ban hành văn bản quy định chi tiết; chưa tuân thủ nghiêm túc quy trình xây dựng, ban hành văn bản, nhất là khâu dự báo, đánh giá tác động kinh tế - xã hội và lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; (2) Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, xây dựng pháp luật còn ít về số lượng, một bộ phận thiếu tính chuyên nghiệp, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế; (3) Sự phối hợp giữa Bộ Tư pháp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, giữa pháp chế và các đơn vị chuyên môn chưa thật chặt chẽ, hiệu quả.

Về khách quan: (1) Số lượng các dự án, dự thảo văn bản do các Bộ, cơ quan ngang Bộ phải xây dựng, ban hành là rất lớn¹, trong khi đó, mức độ đầu tư thời gian, nguồn lực dành cho công tác xây dựng, ban hành văn bản của một số Bộ, cơ quan ngang Bộ chưa tương xứng; (2) Nhiều nội dung quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh là những vấn đề mới, phức tạp, có trường hợp còn thiếu sự định hướng về chính sách, có nhiều ý kiến khác nhau nên quá trình soạn thảo văn bản, còn lúng túng và gặp rất nhiều khó khăn; (3) Nhiều quy định của Luật ban hành VBQPPL đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, không còn phù hợp như quy định về lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL; việc xác định thời điểm có hiệu lực của VBQPPL còn máy móc, chưa phù hợp với thực tiễn.

Với trách nhiệm là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật nói chung, Bộ Tư pháp thấy rằng, để xảy ra tình trạng như cử tri phản ánh là có trách nhiệm của Bộ Tư pháp. Để khắc phục các bất cập, vướng mắc nêu trên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh khả thi và triển khai thực hiện quyết liệt; tuân thủ thực hiện nghiêm Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các giải pháp đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra nhằm tăng cường công tác xây dựng pháp luật.

- Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng, ban hành văn bản; tăng cường công tác phối hợp giữa tổ chức pháp chế với các đơn vị chuyên môn, giữa Bộ Tư pháp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong công tác xây dựng, ban hành văn bản, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa công tác kiểm tra trước ban hành (góp ý, thẩm định, kiểm soát thủ tục hành chính) với công tác kiểm tra sau ban hành (kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật) nhằm nâng cao chất lượng của văn bản; thường xuyên kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối

¹ Hàng năm, số lượng luật, pháp lệnh do các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo chiếm khoảng 90% tổng số các dự án luật, pháp lệnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội. Bên cạnh đó, các Bộ, cơ quan ngang Bộ phải chủ trì xây dựng, ban hành một số lượng lớn văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh (Năm 2013, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 222 nghị định, 82 quyết định; năm 2014, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 128 nghị định, 81 quyết định)

với tình trạng văn bản không bảo đảm chất lượng, tiến độ.

- Tiếp tục tạo điều kiện, có cơ chế thu hút sự tham gia của người dân, huy động trí tuệ của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và tăng cường cơ chế phản biện từ các tổ chức xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng vào quá trình xây dựng và thi hành pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật kết hợp với công tác soạn thảo, thẩm định, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính nhằm tăng cường khả năng phản ứng chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý những văn bản chưa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ hoặc chưa phù hợp với thực tiễn.

- Nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật. Bổ sung hợp lý số lượng cán bộ, công chức làm công tác pháp chế; tăng cường tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực phân tích, xây dựng chính sách và phản ứng chính sách cho cán bộ, công chức pháp chế các Bộ, ngành, địa phương.

Cuối cùng, giải pháp có tính căn cơ là Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ nghiên cứu chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (mới) để trình Quốc hội thông qua theo hướng giảm thiểu hình thức văn bản, hạn chế phải ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh; làm cho quy trình xây dựng pháp luật dân chủ, minh bạch, chuyên nghiệp hơn; tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị trình dự án, dự thảo văn bản.

2. Cữ tri thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị: Các chủ trương, chính sách ban hành phải ổn định, thông thoáng, phù hợp với các điều kiện cam kết khi gia nhập WTO, khi Hiệp định thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được ký kết có hiệu lực.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Một trong những nguyên tắc cơ bản trong Luật ban hành VBQPPL là việc xây dựng, ban hành VBQPPL không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành văn bản, thông qua công tác góp ý, thẩm định văn bản, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ đều xem xét, đánh giá về tính tương thích của dự án, dự thảo văn bản với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, bao gồm: mức độ chuyển hoá các quy định của điều ước quốc tế vào nội dung của dự án, dự thảo văn bản; sự phù hợp giữa nội dung của dự án, dự thảo văn bản với các điều ước quốc tế có liên quan; khó khăn, cản trở mà dự án, dự thảo văn bản có thể gây ra đối với việc thực hiện các điều ước quốc tế, khả năng vận dụng các quyền lợi hoặc cơ hội theo quy định của điều ước quốc tế có liên quan để bảo vệ tối đa, hợp lý quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam. Nhìn chung các VBQPPL được ban hành trong thời gian qua đã bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan ngang

Bộ cũng thường xuyên rà soát, kiểm tra, xử lý các VBQPPL đã ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

Trong thời gian tới, để các chủ trương, chính sách ban hành được ổn định, thông thoáng phù hợp với các cam kết quốc tế, nhất là trong điều kiện tiếp tục thực hiện các cam kết khi gia nhập WTO và Hiệp định thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sau khi được ký kết và có hiệu lực, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, các Bộ, ngành liên quan thực hiện các giải pháp sau:

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, các nghị quyết của Quốc hội và các giải pháp mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra nhằm tăng cường công tác xây dựng, ban hành VBQPPL, bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên, đặc biệt là các cam kết WTO và Hiệp định thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sau khi được ký kết và có hiệu lực.

- Bổ sung hợp lý về số lượng và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, xử lý VBQPPL, nhất là về lĩnh vực pháp luật quốc tế; tăng cường tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực phân tích, xây dựng chính sách pháp luật và kỹ năng soạn thảo, góp ý, kiểm soát thủ tục hành chính, thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản cho cán bộ, công chức pháp chế các Bộ, ngành. Tăng cường huy động sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý am hiểu về pháp luật quốc tế, sự phản biện từ các tổ chức xã hội, đặc biệt các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về luật như Hội luật gia, Đoàn Luật sư, và các phương tiện thông tin đại chúng vào quá trình xây dựng, thẩm định văn bản.

- Tiếp tục rà soát để nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật hiện hành cho phù hợp với các cam kết quốc tế, đặc biệt là cam kết WTO và Hiệp định thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sau khi được ký kết và có hiệu lực.

3. Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Bình Dương, Bình Phước, Lâm Đồng, Quảng Bình, Tiền Giang, Bình Thuận:

a) Cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Hiện nay các loại tội phạm ngày càng nhiều, đặc biệt tội phạm trẻ hóa với tính chất tinh vi, nguy hiểm hơn. Kiến nghị Quốc hội xem xét lại các biện pháp chế tài cũng như việc quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự để nâng cao tính răn đe, giáo dục của pháp luật.

Đề nghị cần xem xét tăng nặng mức án cho các tội hiếp dâm và việc giải quyết mâu thuẫn bằng axit nhằm ngăn chặn các loại tội phạm trên, tăng cường bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em.

b) Cử tri tỉnh Kiên Giang: Đề nghị bổ sung quy định về vấn đề gây ô nhiễm môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm vào Bộ luật hình sự, đồng thời tăng nặng hình phạt để mang tính răn đe.

c) Cử tri tỉnh Bình Dương: Đề nghị Quốc hội sửa đổi Điều 107 Bộ luật hình sự về việc quy định những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự, do việc thi hành trong thực tế có nhiều bất cập, có trường hợp hành vi cố ý gây thương tích nhưng người bị hại không giám định, không có yêu cầu khởi tố vì vậy không có cơ sở xử lý, cơ quan điều tra phải đình chỉ vụ án.

d) Cử tri tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Quảng Bình, Tiền Giang: Thời gian qua, tình trạng bắt trộm chó xảy ra trên nhiều địa phương trong cả nước gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, dẫn đến nhiều nơi người dân đã cùng nhau đánh chết kẻ trộm hoặc bị kẻ trộm hại chết khi truy đuổi theo giành lại chó. Bởi đối với đa số người dân bị mất trộm, chó không phải là tài sản thông thường mà đối với vật nuôi yêu quý, có giá trị về mặt tinh thần. Tuy nhiên theo Bộ luật hình sự hiện hành, tội trộm cắp chỉ hình thành nếu tài sản bị trộm có giá trị từ 2 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng... nên những kẻ trộm chó hiện nay chỉ bị xử lý hành chính. Để đảm bảo trật tự trong nhân dân và đảm bảo tính răn đe đối với hành vi bắt trộm chó, cử tri đề nghị Quốc hội sớm sửa đổi Bộ luật hình sự, trong đó bổ sung hành vi bắt trộm chó thành một tội trong luật.

đ) Cử tri tỉnh Tiền Giang: Đề nghị sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng:

- Xử lý hình sự nghiêm khắc và răn đe các đối tượng phạm tội theo hướng giảm giá trị thiệt hại vật chất từ 02 triệu đồng còn từ 500 ngàn đồng đến 01 triệu đồng, nhất là kịp thời ngăn chặn những hành vi trộm cắp gây bức xúc trong nhân dân hiện nay như: trộm chó, trộm gà, trộm máy bơm nước...

- Sửa đổi Điều 156 về tội sản xuất, buôn bán hàng giả theo hướng bổ sung truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi sản xuất, buôn bán hàng kém chất lượng, tăng nặng hình phạt theo lợi ích bất chính thu được từ hành vi vi phạm và hậu quả thiệt hại về kinh tế gây ra cho xã hội, tăng mức án cao nhất cho loại tội phạm này từ tù có thời hạn sang chung thân. Bởi đa phần các cá nhân có hành vi vi phạm đều am hiểu pháp luật và ý thức được hành vi phạm tội của mình nhưng do vì lợi ích vật chất cá nhân, họ vẫn cố tình phạm tội nên mức án dành cho tội phạm này cần nghiêm khắc hơn.

- Sửa đổi bổ sung Điều 233 về tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ theo hướng tăng nặng hình phạt đối với người có hành vi vi phạm. Vì hoạt động chế tạo và sử dụng vũ khí tự chế hiện nay rất phổ biến trong xã hội, đe dọa rất lớn đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở hầu hết các địa phương trong nước.

e) Cử tri tỉnh Bình Thuận: Hiện nay nhiều luật đang triển khai nhưng có nhiều bất cập không phù hợp với thực tế. Đề nghị cần sửa đổi, bổ sung như tăng khung hình phạt đối với những trường hợp gây tai nạn giao thông do uống rượu, bia, chất kích thích, ma túy; tội làm hàng giả, hàng kém chất lượng, mức

hình phạt đối với tội trộm cắp quy định trong Bộ luật hình sự không đảm bảo tính răn đe.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Những vấn đề cử tri nêu là những vướng mắc, bất cập đã được Bộ Tư pháp nghiên cứu trong quá trình tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự. Thực hiện Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/6/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành soạn thảo dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi). Trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật, Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức và người dân thông qua việc gửi lấy ý kiến trực tiếp bằng văn bản và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý của cử tri đối với dự thảo Bộ luật quan trọng này để tiếp thu, chỉnh lý, báo cáo Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 tới đây.

Bộ Tư pháp nhận thấy, các kiến nghị nêu trên của cử tri liên quan đến việc sửa đổi Bộ luật hình sự là những vấn đề được nhiều Bộ, ngành và địa phương quan tâm, trong đó có thể khái quát thành các vấn đề như: chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội; việc thu hẹp khoảng cách của khung hình phạt; cụ thể hóa về các tình tiết mang tính định tính trong cấu thành tội phạm và trong tình tiết định khung tăng nặng; chính sách hình sự đối với một số tội phạm cụ thể như tội phạm về tham nhũng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, xâm phạm tính mạng sức khỏe, xâm phạm sở hữu, tội phạm kinh tế... Đối với hồ sơ dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi), đề nghị cử tri tham khảo thêm trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, đối với từng vấn đề cụ thể mà cử tri quan tâm, Bộ Tư pháp trả lời cụ thể như sau:

a) Đối với kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh:

- Hiện nay các loại tội phạm ngày càng nhiều, đặc biệt tội phạm trẻ hóa với tính chất tinh vi, nguy hiểm hơn. Kiến nghị Quốc hội xem xét lại các biện pháp chế tài cũng như việc quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự để nâng cao tính răn đe, giáo dục của pháp luật.

Mặc dù qua các phương tiện thông tin đại chúng, tình hình tội phạm do người chưa thành niên phạm tội có chiều hướng gia tăng, một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng do người chưa thành niên thực hiện đã xảy ra trong thời gian vừa qua, gây bức xúc trong nhân dân. Tuy nhiên, theo báo cáo của các cơ quan chức năng, hiện tượng này chưa mang tính phổ biến. Mặt khác, việc thay đổi độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay tăng nặng hình phạt đối với người chưa thành niên là một vấn đề lớn, có thể làm thay đổi chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước về người chưa thành niên. Hơn nữa, giải pháp tăng nặng hình phạt chỉ là giải pháp để thảo mãn sự bức xúc về tâm lý, việc tăng nặng hình phạt chưa chắc đã làm giảm tình trạng tội phạm của người chưa thành niên (ví dụ như việc tăng nặng hình phạt đối với tội phạm về ma túy, tội phạm ma túy không những không giảm mà còn ngày càng nghiêm trọng), mà cần có giải pháp tổng

thể. Điều này cũng phù hợp với xu thế chung của nhiều nước trên thế giới và công ước về quyền trẻ em.

Chính vì vậy, trong quá trình xây dựng dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi), nhiều ý kiến đồng thuận với chủ trương tăng cường các biện pháp giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm vị thành niên nói riêng, theo đó giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và giữ nguyên các mức hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội như Bộ luật hình sự hiện hành.

- Đề nghị cần xem xét tăng nặng mức án cho các tội hiếp dâm và việc giải quyết mâu thuẫn bằng axit nhằm ngăn chặn các loại tội phạm trên, tăng cường bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em.

Qua rà soát và so sánh với pháp luật hình sự của một số nước cho thấy, quy định về hình phạt áp dụng đối với các tội phạm hiếp dâm trong Bộ luật hình sự hiện hành là rất nghiêm khắc, mức phạt cao nhất có thể áp dụng là tử hình (khoản 4 Điều 112); mức phạt áp dụng cho trường hợp phạm tội thông thường đến 7 năm tù (khoản 1 Điều 111). Do đó, để giảm tình trạng phạm tội hiếp dâm không nên theo hướng tiếp tục tăng hình phạt mà nên theo hướng tăng cường xử lý nghiêm hành vi phạm tội, đồng thời, cần có những giải pháp đồng bộ trong việc giáo dục pháp luật, sự giám sát của gia đình để giúp nạn nhân tránh nguy cơ bị xâm hại.

Về việc giải quyết mâu thuẫn bằng axit là hành vi đặc biệt nguy hiểm, không những gây tổn hại sức khỏe của người khác mà còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng về sau của nạn nhân, do đó, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã bổ sung tình tiết sử dụng chất axit sunfuric để gây thương tích cho nạn nhân, bổ sung tình tiết làm xấu xí diện mạo của nạn nhân là một tình tiết định khung tăng nặng.

b) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang: Đề nghị bổ sung quy định về vấn đề gây ô nhiễm môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm vào Bộ luật hình sự, đồng thời tăng nặng hình phạt để mang tính răn đe.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, vấn đề ô nhiễm môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm được dư luận xã hội hết sức quan tâm vì có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe của cộng đồng. Bộ luật hình sự hiện hành đã quy định chế tài xử lý đối với nhóm các tội phạm về môi trường (Chương XVII) và tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm (Điều 244).

Tuy nhiên, các quy định trên còn thiếu tính cụ thể, khó áp dụng trong thực tiễn, do đó, dự thảo Bộ luật đã sửa đổi quy định về 2 loại tội danh này: (1) Đối với nhóm tội phạm về môi trường được sửa đổi theo hướng (i) quy định các tội phạm gây ô nhiễm môi trường là tội có cấu thành hình thức để xử lý các hành vi phạm tội này mà không chờ đến dấu hiệu hậu quả như quy định của Bộ luật hình sự hiện hành; (ii) tăng mức phạt cao hơn so với Bộ luật hình sự hiện hành; (iii) bổ sung quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân là các tổ chức kinh tế để xử lý nghiêm các pháp nhân gây ô nhiễm môi trường; (2) Đối với tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm được sửa đổi theo hướng sửa

thành tội sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn (Điều 315 dự thảo Bộ luật), trong đó quy định cụ thể hơn các hành vi phạm, dấu hiệu hậu quả, tăng nặng hình phạt.

c) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương: Đề nghị Quốc hội sửa đổi Điều 107 Bộ luật hình sự về việc quy định những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự, do việc thi hành trong thực tế có nhiều bất cập, có trường hợp hành vi cố ý gây thương tích nhưng người bị hại không giám định, không có yêu cầu khởi tố vì vậy không có cơ sở xử lý, cơ quan điều tra phải đình chỉ vụ án.

Vấn đề cử tri nêu liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Bộ luật tố tụng hình sự. Hiện nay, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đang chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự án Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) để trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10 (năm 2015). Theo thông tin Bộ Tư pháp được biết, để khắc phục tình trạng bất cập như cử tri nêu, dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) đã quy định cho phép cơ quan giám định được giám định trên cơ sở hồ sơ bệnh án để làm cơ sở xử lý. Đề xuất này mặc dù còn các ý kiến chưa đồng tính, nhưng về cơ bản, đã đạt được sự đồng thuận giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

d) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Quảng Bình, Tiền Giang: Thời gian qua, tình trạng bắt trộm chó xảy ra trên nhiều địa phương trong cả nước gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, dẫn đến nhiều nơi người dân đã cùng nhau đánh chết kẻ trộm hoặc bị kẻ trộm hại chết khi truy đuổi theo giành lại chó. Bởi đối với đa số người dân bị mất trộm, chó không phải là tài sản thông thường mà đối với vật nuôi yêu quý, có giá trị về mặt tinh thần. Tuy nhiên theo Bộ luật hình sự hiện hành, tội trộm cắp chỉ hình thành nếu tài sản bị trộm có giá trị từ 2 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng... nên những kẻ trộm chó hiện nay chỉ bị xử lý hành chính. Để đảm bảo trật tự trong nhân dân và đảm bảo tính răn đe đối với hành vi bắt trộm chó, cử tri đề nghị Quốc hội sớm sửa đổi Bộ luật hình sự, trong đó bổ sung hành vi bắt trộm chó thành một tội trong luật.

- Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Tiền Giang, Bình Thuận: Xử lý hình sự nghiêm khắc và răn đe các đối tượng phạm tội theo hướng giảm giá trị thiệt hại vật chất từ 02 triệu đồng còn từ 500 ngàn đồng đến 01 triệu đồng, nhất là kịp thời ngăn chặn những hành vi trộm cắp gây bức xúc trong nhân dân hiện nay như: trộm chó, trộm gà, trộm máy bơm nước...

Bộ Tư pháp chia sẻ với những bức xúc trong dư luận xã hội nói chung và cử tri một số địa phương đề nghị. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự hiện hành đã quy định trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự nếu thuộc các trường hợp: gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử phạt hành chính hay đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt chưa được xóa án mà còn vi phạm. Như vậy, Bộ luật hình sự đã có quy định để xử lý hình sự đối với tội trộm cắp tài sản có giá trị dưới 02 triệu đồng (trong đó bao gồm cả hành vi

bắt trộm chó). Đối với từng trường hợp cụ thể, cơ quan tổ tụng có thể vận dụng cho phù hợp với thực tiễn địa phương.

đ) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Tiền Giang, Bình Thuận: Đề nghị sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng:

- Sửa đổi Điều 156 về tội sản xuất, buôn bán hàng giả theo hướng bổ sung truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi sản xuất, buôn bán hàng kém chất lượng, tăng nặng hình phạt theo trị lợi ích bất chính thu được từ hành vi vi phạm và hậu quả thiệt hại về kinh tế gây ra cho xã hội, tăng mức án cao nhất cho loại tội phạm này từ tù có thời hạn sang chung thân. Bởi đa phần các cá nhân có hành vi vi phạm đều am hiểu pháp luật và ý thức được hành vi phạm tội của mình nhưng do vì lợi ích vật chất cá nhân, họ vẫn cố tình phạm tội nên mức án dành cho tội phạm này cần nghiêm khắc hơn.

- Sửa đổi bổ sung Điều 233 về tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ theo hướng tăng nặng hình phạt đối với người có hành vi vi phạm. Vi hoạt động chế tạo và sử dụng vũ khí tự chế hiện nay rất phổ biến trong xã hội, đe dọa rất lớn đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở hầu hết các địa phương trong nước.

Vấn đề cử tri nêu cũng là vấn đề mà Bộ Tư pháp đặc biệt quan tâm và đã nghiên cứu, xử lý trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi).

Đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả hàng kém chất lượng gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất của doanh nghiệp, xâm hại lợi ích của người tiêu dùng, dự thảo Bộ luật đã quy định theo hướng tăng nặng hình phạt (về kinh tế) đối với chủ thể phạm tội này. Về kiến nghị tăng hình phạt từ tù có thời hạn lên tù chung thân đối với hành vi này, đây cũng là vấn đề cũng đã được thảo luận trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật. Tuy nhiên, qua rà soát, hình phạt tù đối với loại hành vi này đã ở mức cao, nên cần tăng cường tăng nặng các hình phạt mang tính chất kinh tế để xử lý các hành vi phạm tội này.

Đối với tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã bổ sung đối tượng không chỉ là các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà còn bao gồm cả các loại như: súng săn, vũ khí thể thao, các loại vũ khí có tính năng tương tự để xử lý. Về việc tăng nặng hình phạt, dự thảo Bộ luật vẫn giữ nguyên mức phạt như Bộ luật hình sự hiện hành. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của cử tri, trong quá trình chỉnh lý dự thảo Bộ luật, Bộ Tư pháp sẽ đề xuất tăng nặng hình phạt đối với tội danh này.

e) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Thuận: Hiện nay nhiều luật đang triển khai nhưng có nhiều bất cập không phù hợp với thực tế. Đề nghị cần sửa đổi, bổ sung như tăng khung hình phạt đối với những trường hợp gây tai nạn giao thông do uống rượu, bia, chất kích thích, ma túy; tội làm hàng giả, hàng kém chất lượng, mức hình phạt đối với tội trộm cắp quy định trong Bộ luật hình sự không đảm bảo tính răn đe.

Vấn đề cử tri nêu liên quan đến tăng hình phạt đối với tội vi phạm an toàn giao thông do uống rượu, bia, chất kích thích, ma túy: Bộ Tư pháp thấy rằng, đây là tội phạm vô ý, mức phạt như hiện nay đã khá nghiêm khắc, nên đề nghị giữ nguyên khung hình phạt như Bộ luật hình sự hiện hành để đảm bảo tính đồng bộ của Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cho rằng, để giảm thiểu loại hành vi phạm tội này một cách căn cơ cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc hạn chế sử dụng bia, rượu, nhất là khi tham gia giao thông và đặc biệt, không sử dụng chất kích thích, ma túy.

5. Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Lâm Đồng, Bình Dương, Kiên Giang:

a) Cử tri tỉnh Lâm Đồng:

- Bộ luật dân sự có quy định về thời hiệu khởi kiện về thừa kế: “Thời hiệu khởi kiện để người được thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Do vậy, có trường hợp sau 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế người dân mới nộp đơn khởi kiện thì không được Tòa án thụ lý vì hết thời hiệu khởi kiện. Do vậy, xảy ra tình trạng tranh chấp âm ỉ, kéo dài, thậm chí dẫn đến xung đột làm mất an ninh trật tự; người được hưởng thừa kế thì không được pháp luật bảo vệ; người được giao quản lý “tài sản thừa kế” thì không được hợp pháp hóa quyền quản lý, sử dụng tài sản đó. Đề nghị Quốc hội xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật dân sự cần đưa ra các chế tài xử lý các đối tượng lợi dụng hình thức giao dịch dân sự tín dụng đen chiếm đoạt tài sản trong nhân dân thông qua hợp đồng vay nợ Nhà nước khó thi hành.

b) Cử tri tỉnh Bình Dương: Trong Bộ luật dân sự (sửa đổi) cần quy định cụ thể về thời gian giải quyết tranh chấp đất đai giữa người dân với người dân, quy định rõ về cách giải quyết tranh chấp trong từng trường hợp cụ thể đồng thời phân định rõ ràng trách nhiệm của các cấp có thẩm quyền trong việc giải quyết tranh chấp.

c) Cử tri thành phố Hải Phòng: Tại Điều 179 Luật đất đai quy định về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tuy nhiên còn một số vướng mắc về các hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong quá trình áp dụng thực hiện. Cử tri đề nghị sửa đổi Bộ luật dân sự cần bổ sung quy định cụ thể các hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

d) Cử tri tỉnh Kiên Giang: Cử tri cho rằng, tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về lãi suất không chế lãi cho vay bên ngoài xã hội không được vượt quá 150% đối với loại cho vay tương ứng là không hợp lý và không nên can thiệp sâu về vấn đề này. Đề nghị bỏ quy định này hoặc sửa đổi theo hướng chỉ quy định giá trần không vượt quá bao nhiêu lần, còn dưới đó thì để các bên tự thỏa thuận, như vậy sẽ phù hợp hơn.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Những vấn đề cử tri nêu là những vướng mắc, bất cập đã được Bộ Tư pháp nghiên cứu trong quá trình tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật dân sự. Thực hiện Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/6/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành soạn thảo dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi). Trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật trước khi trình Quốc hội cho ý kiến, Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức và người dân thông qua việc gửi lấy ý kiến trực tiếp bằng văn bản và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, xác định đây là một dự án Bộ luật lớn, phạm vi điều chỉnh rộng, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, đời sống nhân dân nên khi trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Bộ luật này, Bộ Tư pháp đã tham mưu Chính phủ báo cáo Quốc hội xin chủ trương về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật. Hiện nay, dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) đang được tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, trong đó đã xử lý các vướng mắc, bất cập như cử tri đã nêu, cụ thể như sau:

a) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Lâm Đồng về việc sửa đổi, bổ sung quy định về thời hiệu khởi kiện thừa kế

Theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 thì "thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế", đúng như ý kiến của cử tri, quy định này đã gây ra nhiều bất cập trong thực tiễn áp dụng, chưa giải quyết được một cách triệt để và dứt điểm các tranh chấp phát sinh.

Bộ Tư pháp đã nghiên cứu các giải pháp để khắc phục bất cập, tạo công cụ pháp lý tốt hơn để Tòa án bảo vệ các quyền dân sự của tổ chức, cá nhân, đồng thời hạn chế tình trạng Tòa án có thể căn cứ vào thời hiệu mà từ chối yêu cầu giải quyết vụ việc. Theo đó, dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) quy định theo hướng, thời hạn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thừa kế là ba mươi năm đối với bất động sản, mười năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế; nếu hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó, đồng thời dự thảo Bộ luật cũng quy định cụ thể để xử lý trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản (Điều 646 dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)).

b) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Lâm Đồng về việc đưa ra các chế tài xử lý các đối tượng lợi dụng hình thức giao dịch dân sự để cho vay tín dụng đen nhằm chiếm đoạt tài sản trong nhân dân

Bộ Tư pháp nhận thấy, Bộ luật dân sự hiện hành đã có quy định nhằm hạn chế tình trạng lợi dụng giao dịch dân sự để cho vay tín dụng đen nhằm chiếm đoạt tài sản. Bộ luật hình sự hiện hành cũng đã có quy định xử lý hình sự đối với tội cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, để hạn chế tình trạng này, trên cơ sở kế thừa quy định của Bộ luật dân sự hiện hành, dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) đã

quy định cụ thể hơn đối với các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu, trong đó có việc lợi dụng giao dịch dân sự để cho vay tín dụng đen (Điều 139, 140, 142, 143... dự thảo Bộ luật) để giải quyết tốt hơn những vấn đề phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật, bảo đảm sự ổn định của giao lưu dân sự, quyền, lợi ích của các bên, đặc biệt của bên thiện chí, ngay tình. Bên cạnh đó, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã được Bộ Tư pháp trình Chính phủ cũng đã sửa đổi quy định đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo hướng lượng hóa cụ thể số tiền thu lợi bất chính, giảm mức lãi suất cho vay từ 10 lần (Bộ luật hình sự hiện hành) xuống còn 05 lần (dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)) so với mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự.

c) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương về việc quy định cụ thể thời gian giải quyết tranh chấp đất đai, cách giải quyết, trách nhiệm giải quyết trong Bộ luật Dân sự (sửa đổi)

Theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì khi tranh chấp đất đai xảy ra, các bên tự hòa giải hoặc thông qua hòa giải ở cơ sở; trường hợp hòa giải không thành thì gửi đơn đề Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp đề hòa giải trong thời hạn 45 ngày. Trường hợp tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành thì được giải quyết theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013, trong đó thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai tương ứng với các trường hợp, cụ thể là: (1) tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết; (2) tranh chấp đất đai mà đương sự không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai thì đương sự được lựa chọn một trong hai hình thức: Nộp đơn yêu cầu giải quyết tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trường hợp tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết; trường hợp tranh chấp mà một bên tranh chấp là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết.

Như vậy, Luật đất đai đã quy định rõ thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai tại cơ quan hành chính nhà nước; đối với tranh chấp đất đai được giải quyết thông qua Tòa án thì thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, việc quy định cụ thể thời gian giải quyết tranh chấp đất đai, cách giải quyết, trách nhiệm giải quyết trong Bộ luật dân sự sẽ dẫn đến sự chồng chéo, trùng lặp không cần thiết.

d) Đối với kiến nghị của cử tri thành phố Hải Phòng về việc bổ sung quy định cụ thể các hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Bộ luật dân sự (sửa đổi)

Theo quy định tại Điều 689 Bộ luật dân sự 2005 về hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì "Việc chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện

thông qua hợp đồng. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật". Trên cơ sở đó, Điều 167 Luật đất đai 2013 quy định "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực".

Điều 697 Bộ luật dân sự 2005 quy định "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất chuyển giao đất và quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng, còn bên nhận chuyển nhượng trả tiền cho bên chuyển nhượng theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai"; đồng thời, Bộ luật dân sự 2005 đã quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tiếp tục kế thừa các quy định của Bộ luật dân sự 2005, dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) đã quy định về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất (từ Điều 523 đến Điều 527), trong đó có quy định về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể: "Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản theo hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan" (Điều 525 dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)).

Như vậy, hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ tuân thủ theo các quy định về hình thức của giao dịch nói chung đã được Bộ luật dân sự quy định mà không cần quy định cụ thể về hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ví dụ như: "Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định" (khoản 2 Điều 134 dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)); "Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể... Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện dưới hình thức nhất định thì giao dịch dân sự được thể hiện theo hình thức đó (Điều 136 dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)).

đ) Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang về quy định tại Điều 476 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 đối với lãi suất khống chế lãi cho vay

Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định: lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng; trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Thực tiễn thi hành Bộ luật dân sự thời gian qua cho thấy, quy định này chưa phù hợp, còn vướng mắc trong quá trình thực hiện đúng như ý kiến của cử tri đã nêu.

Để tạo sự thống nhất về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản, vừa bảo đảm bản chất của giao dịch dân sự trong việc tôn trọng ý chí của các bên, đồng thời, ngăn ngừa, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ Tư pháp đã phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, sửa đổi quy định này cho phù hợp. Tuy nhiên, vẫn còn có hai loại ý kiến khác nhau về quy định lãi suất trong

hợp đồng vay tài sản, đó là: (1) Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật (Điều 491), theo đó “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận hoặc do luật định; trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 200% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng, trừ trường hợp luật có quy định khác; trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định ở khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”; (2) Loại ý kiến thứ hai: đề nghị quy định một mức lãi suất trần cụ thể trong Bộ luật dân sự, không sử dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố làm lãi suất tham chiếu, đồng thời, quy định nguyên tắc, thẩm quyền thay đổi mức lãi suất.

Theo Kế hoạch của Chính phủ về việc lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), quy định về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản là 01 trong 10 vấn đề trọng tâm xin ý kiến Nhân dân. Trong quá trình tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tiếp thu nghiêm túc những ý kiến góp ý về vấn đề này để chỉnh lý dự thảo Bộ luật, bảo đảm phù hợp hơn với thực tế.

6. Cử tri tỉnh Ninh Thuận kiến nghị: Đề nghị sớm ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện một số quy định liên quan đến giao dịch bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm và các quyền của chủ nợ, nghĩa vụ của bên vay và bên bảo đảm.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm trên phạm vi cả nước, trong thời gian vừa qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch bảo đảm, đăng ký giao dịch bảo đảm, như: Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm, qua đó, đã góp phần tạo hành lang pháp lý cho việc xác lập, thực hiện giao dịch bảo đảm, bao gồm cả thủ tục xử lý tài sản bảo đảm.

Ngoài ra, nhằm kịp thời xử lý những vướng mắc, khó khăn của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, ngày 06/6/2014, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN hướng dẫn một số vấn đề về xử lý tài sản bảo đảm. Thông tư liên tịch đã có những quy định nhằm tăng cường và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm: đảm bảo quyền chủ động của bên nhận bảo đảm trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm; hướng dẫn việc xử lý đối với một số loại tài sản bảo đảm đặc thù nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ...

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng nhận thấy, pháp luật về giao dịch bảo đảm, đăng ký giao dịch bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm liên quan tới nhiều lĩnh vực pháp luật khác, như: pháp luật dân sự, pháp luật đất đai, tín dụng ngân hàng, nhà ở, tổ tụng dân sự... Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), trong đó có sửa đổi các quy định về sở hữu, về giao dịch bảo đảm theo đúng tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013 và hiện nay, dự thảo Bộ luật đang được tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Trong quá trình tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tiếp thu nghiêm túc những ý kiến góp ý về vấn đề này để chỉnh lý dự thảo Bộ luật theo hướng hoàn thiện hơn nữa những quy định liên quan đến giao dịch bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm và các quyền của chủ nợ, nghĩa vụ của bên vay và bên bảo đảm.

7. Cử tri tỉnh Yên Bái kiến nghị: Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi) đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII. Đề nghị Chính phủ khi ban hành các Nghị định hướng dẫn thực hiện cần có các chế tài đủ mạnh để xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm, đặc biệt là vấn đề tảo hôn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Thực hiện Luật xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó đã quy định các chế tài đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình nói chung cũng như hành vi tảo hôn nói riêng, cụ thể, Điều 47 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định:

“1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cố ý duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đủ tuổi kết hôn mặc dù đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc chấm dứt quan hệ đó.”

Tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi), để đảm bảo sự phù hợp giữa các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính với Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi), Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, trong đó bổ sung quy định xử phạt hoặc nâng mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, ví dụ như: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chung sống như vợ chồng với người có cùng dòng máu về trực hệ mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự... Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp trình Chính phủ cho ý kiến; hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để chỉnh lý, trình Chính phủ ban hành trong thời gian tới.

8. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Dương: Cử tri kiến nghị các ngành chức năng cần đơn giản hóa các thủ tục hành chính và ban hành các quy định cụ thể trong việc đền bù thiệt hại cho người dân bị xét xử oan sai.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường cho người bị thiệt hại đã được quy định tại mục 2 Chương II Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Nhằm cụ thể hóa thủ tục giải quyết bồi thường cho người bị oan, sai trong hoạt động tố tụng hình sự, ngày 02/11/2012 liên ngành Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNN&PTNT hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự.

Việc ban hành và áp dụng Thông tư liên tịch trên đã góp phần giải quyết đúng, kịp thời hầu hết các yêu cầu bồi thường của người bị oan sai, kể cả những vụ việc phức tạp, kéo dài từ nhiều năm trước đó. Tuy nhiên, thực tiễn yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự thời gian qua cũng cho thấy, quy định về thủ tục yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, người bị oan sai vẫn gặp khó khăn trong thực hiện quyền yêu cầu bồi thường... Do đó, cần phải được tiếp tục rà soát, đánh giá và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, ban hành các quy định cụ thể trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị xét xử oan, sai.

Về phía Bộ Tư pháp, trong thời gian tới đây, Bộ sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, địa phương tiến hành tổng kết 5 năm thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước, trong đó sẽ nghiên cứu, đánh giá những vướng mắc, bất cập trong quy định và trong thực tiễn thi hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường theo hướng ngày càng cụ thể hơn, với chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường.

II. Kiến nghị về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Lâm Đồng, Hưng Yên, Hải Dương, Tuyên Quang: Cần có kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật sâu rộng trong nhân dân.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Với chức năng là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hằng năm và trong từng giai đoạn, Bộ Tư pháp đều ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu để Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương ban hành Kế hoạch PBGDPL để chỉ đạo, định hướng các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện, bảo đảm các luật, pháp lệnh và các VBQPPL khác sau khi được ban hành đều được

tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ và Nhân dân. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp còn tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Chương trình, Đề án PBGDPL theo giai đoạn (5 năm) tại các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm hoặc cho các đối tượng đặc thù để tránh dàn trải nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng tìm hiểu pháp luật của cán bộ, Nhân dân. Các Bộ, ngành, địa phương đều ban hành kế hoạch PBGDPL hằng năm và từng giai đoạn để triển khai thực hiện các Đề án về PBGDPL được giao chủ trì thực hiện hoặc liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương.

Đối với các luật lớn, quan trọng hoặc các luật liên quan đến quyền con người, quyền công dân, các luật điều chỉnh các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, Bộ Tư pháp đều ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, trong đó tập trung vào tập huấn, phổ biến chuyên sâu cho cán bộ, công chức, chuyên gia, báo cáo viên pháp luật và phổ biến rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân.

Tiếp thu ý kiến của cử tri, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục quan tâm chỉ đạo đổi mới việc xây dựng kế hoạch để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật sâu rộng trong nhân dân.

2. Cử tri tỉnh Khánh Hòa kiến nghị: Đề nghị quan tâm hơn đến công tác giáo dục, phổ biến pháp luật, trước hết là tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ ở cơ sở thôn, tổ, xã, phường vì đây là những người gần dân nhất, để qua họ, sẽ tuyên truyền, giải thích cho người dân biết quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó chấp hành tốt luật pháp cũng như biết cách bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Những năm qua, thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2011, Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư, đặc biệt là từ sau khi Luật phổ biến, giáo dục pháp luật được ban hành và có hiệu lực pháp luật, công tác PBGDPL đã được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện ngày càng đi vào nề nếp, được Nhân dân đồng tình, ủng hộ. Nhiều hình thức PBGDPL cho cán bộ ở cơ sở, thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn đã được tổ chức với nội dung pháp luật thiết thực, gắn với các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nhất là tại các địa bàn thành thị của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. Đội ngũ người làm công tác PBGDPL ngày càng được củng cố, tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đã góp phần tích cực đưa pháp luật vào cuộc sống, nâng cao nhận thức pháp luật trong cán bộ và nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở. Đặc biệt, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số Chương trình, Đề án về PBGDPL theo Quyết định số 212/QĐ-TTg, Quyết định số 37/QĐ-TTg, Quyết định số 409/QĐ-TTg, Quyết định số 1133/QĐ-TTg để tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho một số địa bàn, lĩnh vực, đối tượng đặc thù, trong đó tập trung hướng tới tuyên truyền, phổ biến cho nhóm đối tượng là cán bộ ở cơ sở, thôn, tổ dân phố, xã, phường. Đặc biệt, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật đã giao trách nhiệm cho

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương cho công tác PBGDPL và tổ chức thực hiện công tác PBGDPL tại địa phương (Điều 27 và Điều 28).

Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và một số địa phương, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn còn gặp nhiều khó khăn nên kinh phí cấp cho các Chương trình, Đề án về PBGDPL cũng như việc bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và từ ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách cho công tác PBGDPL còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Vì vậy đã tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các hoạt động PBGDPL cho đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở và Nhân dân, nên thời gian tới, sẽ phải được tăng cường hơn. Đối với tỉnh Khánh Hòa, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh có ý kiến đề Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư kinh phí cho công tác PBGDPL để các địa phương tổ chức tuyên truyền, PBGDPL cho đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị tại địa bàn cơ sở và Nhân dân tại địa phương.

3. Cử tri thành phố Hà Nội kiến nghị: Cử tri cho rằng tình trạng vi phạm pháp luật do sự hiểu biết pháp luật của người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, xã nghèo, miền núi còn hạn chế. Đề nghị chú trọng các giải pháp thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật đối với người dân trên các địa bàn trên.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, trách nhiệm triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn do chính quyền địa phương bảo đảm thực hiện. Hội đồng nhân dân có trách nhiệm phân bổ dự toán ngân sách địa phương cho công tác PBGDPL, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện PBGDPL liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý (Điều 27). Vì vậy, về phía địa phương, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội nói riêng và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nói chung có ý kiến đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quan tâm chỉ đạo tăng cường hơn nữa công tác PBGDPL cho người dân, nhất là người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, xã nghèo, miền núi trên địa bàn. Bộ Tư pháp cũng đề nghị các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi được giao quản lý tiếp tục chú trọng triển khai công tác PBGDPL cho người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, xã nghèo, miền núi.

Về phía Bộ Tư pháp, thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong khuôn khổ các Đề án, Chương trình về PBGDPL² tiếp

² Đề án "Tiếp tục tăng cường công tác PBGDPL về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2013 - 2016" do Thanh tra Chính phủ chủ trì thực hiện; Đề án "Tiếp tục xây dựng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư giai đoạn 2013 - 2016" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì thực hiện; Đề án "Tăng cường PBGDPL cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013 - 2016" do Bộ Quốc phòng chủ trì thực hiện; Đề án "Tăng cường công tác PBGDPL tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2013 - 2016" do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện; Đề án "Tăng cường công tác PBGDPL trên Đài Truyền hình Việt Nam giai đoạn 2013 - 2016" do Đài Truyền hình Việt Nam chủ trì thực hiện; Đề án "Tăng cường công tác PBGDPL trên Đài Tiếng nói Việt Nam giai đoạn 2013 - 2016" do Đài Tiếng nói Việt Nam chủ trì thực hiện; Đề án "Xã hội hóa công tác PBGDPL và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2013 - 2016" do Hội Luật gia Việt Nam chủ trì thực hiện; Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật

tục chỉ đạo, hướng dẫn, có biện pháp hỗ trợ, ưu tiên triển khai công tác PBGDPL cho nhóm đối tượng này theo đúng yêu cầu của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

Về lâu dài, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các địa phương, Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội khác nghiên cứu, tổng kết và đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có giải pháp tổng thể để tăng cường hơn nữa công tác PBGDPL cho các đối tượng này.

4. Cử tri tỉnh An Giang kiến nghị: Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật phổ biến giáo dục pháp luật, có quy định cụ thể trách nhiệm doanh nghiệp trong việc phối hợp với tổ chức công đoàn tuyên truyền pháp luật cho người lao động; bổ sung điều khoản mới trong nghị định 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ về xử phạt hành chính trên lĩnh vực lao động, BHXH... về hành vi: không tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm (nhưng trong Nghị định 95/2013/NĐ-CP lại có quy định xử phạt hành chính về không tổ chức thương lượng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể); xử phạt nếu không thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, xử phạt nếu không đóng kinh phí công đoàn 2% theo quy định của Luật công đoàn.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Về đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật PBGDPL quy định cụ thể trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc phối hợp với tổ chức công đoàn tuyên truyền pháp luật cho người lao động

Khoản 3 Điều 18 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật quy định: “Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí thời gian, bảo đảm các điều kiện cần thiết để PBGDPL; phối hợp với tổ chức công đoàn tổ chức PBGDPL cho người lao động trong doanh nghiệp”. Ngay sau khi Quốc hội thông qua Luật, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật. Tuy nhiên, do Luật phổ biến, giáo dục pháp luật không giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc phối hợp với tổ chức công đoàn tuyên truyền pháp luật cho người lao động, nên Nghị định số 28/2013/NĐ-CP của Chính phủ không quy định cụ thể nội dung này.

Để nâng cao trách nhiệm của người sử dụng lao động, tăng cường công tác PBGDPL cho người lao động, trước khi Quốc hội thông qua Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 31/2009/QĐ-

cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện; Đề án “Cùng cố, kiên toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước” do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện; Đề án “Nâng cao chất lượng công tác PBGDPL trong nhà trường” do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện; Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp” do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện.

TTg ngày 24/02/2009 về việc phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp” và giao Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện Đề án này. Hiện tại, Đề án này được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiếp tục triển khai thực hiện đến năm 2016 (theo Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI)).

b) Về đề nghị Chính phủ bổ sung quy định về xử phạt hành chính nếu không thực hiện việc tuyên truyền, PBGDPL theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật

Theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, việc không thực hiện tuyên truyền, PBGDPL không phải là hành vi bị cấm (Điều 9). Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí thời gian, bảo đảm các điều kiện cần thiết để PBGDPL; phối hợp với tổ chức công đoàn tổ chức PBGDPL cho người lao động trong doanh nghiệp. Tổ chức công đoàn có trách nhiệm chủ trì vận động người lao động tìm hiểu, học tập pháp luật (Điều 18). Các quy định trên nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của người sử dụng lao động trong công tác PBGDPL, theo đó, trách nhiệm này vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính thuyết phục, vận động người sử dụng lao động tích cực và tự giác trong bố trí thời gian, bảo đảm các điều kiện cần thiết để PBGDPL cho người lao động. Đề nghị người sử dụng lao động thực hiện tốt trách nhiệm này cần tiếp tục vận động, thuyết phục để họ nhận thức đầy đủ tính trách nhiệm của mình trước xã hội và trước người lao động, đồng thời cũng cần có thời gian để kiểm nghiệm tính hiệu quả trên thực tế. Do vậy, việc xử phạt người sử dụng lao động nếu không thực hiện việc tuyên truyền PBGDPL theo đề xuất cử tri là chưa cần thiết.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương tiến hành khảo sát, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm PBGDPL cho người lao động, đồng thời nghiên cứu, đánh giá, xác định tính chất nguy hiểm của hành vi này đối với xã hội để xác định trách nhiệm pháp lý của các đối tượng có liên quan, từ đó kiến nghị Chính phủ xem xét, bổ sung hoặc kiến nghị bổ sung trong các quy định của pháp luật.

5. Cử tri tỉnh Hải Dương kiến nghị: Đến nay Hiến pháp năm 2013 đã được ban hành và có hiệu lực, cử tri đề nghị Nhà nước cho thu hồi lại bản dự thảo và cấp phát bản chính đến các hộ gia đình để nhân dân có điều kiện tìm hiểu.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong quá trình xây dựng, hoàn chỉnh, dự thảo Hiến pháp năm 2013 đã được Quốc hội tổ chức lấy kiến rộng rãi trong nhân dân; bản dự thảo Hiến pháp đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; một số địa phương đã phát dự thảo đến từng hộ gia đình. Tuy nhiên, đây chỉ là bản dự thảo

nên không có giá trị pháp lý và không có giá trị áp dụng trong thực tế, do vậy, việc thu hồi lại bản dự thảo Hiến pháp này là không cần thiết.

Sau khi Hiến pháp năm được Quốc hội thông qua và có hiệu lực pháp luật, thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực, chủ động tổ chức triển khai thực hiện. Bản Hiến pháp đã được công bố rộng rãi trên Báo Nhân dân; đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương. Đặc biệt, nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã trang bị sách báo, tài liệu về Hiến pháp năm 2013 cho các Tủ sách pháp luật. Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức biên soạn một số Tờ gấp pháp luật giới thiệu về những nội dung cơ bản của Hiến pháp liên quan trực tiếp đến người dân và đăng tải công khai trên Trang tin phổ biến giáo dục của Bộ.

Đến nay, về cơ bản, người dân đều có thể dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng bản Hiến pháp năm 2013. Vì vậy, trong điều kiện thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí và ngân sách Nhà nước có hạn nên việc cấp phát bản chính Hiến pháp năm 2013 đến các hộ gia đình để người dân có điều kiện tìm hiểu như đề xuất của cử tri là không thật sự cần thiết.

6. Kiến nghị của cử tri thành phố Hải Phòng: Thời gian qua, việc giải quyết, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý còn rất hạn chế, chưa đồng bộ, còn chậm trễ làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư, mất cơ hội đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Cử tri đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tăng cường công tác hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp làm các thủ tục pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có quy định các hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp, trong đó có giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp (Điều 10); tiếp nhận, tổng hợp kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện các thủ tục pháp lý (Điều 11). Để triển khai các hoạt động giải quyết, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý, trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2020 nhằm triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp chủ trì, giúp Chính phủ quản lý nhà nước trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương thực hiện. Đến nay, có 18 Bộ, ngành liên quan và 100% Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành và thực hiện Chương trình/Kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm tăng cường hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc tổ chức các tọa đàm, bồi dưỡng, tư vấn trực tiếp cho doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, do nguồn lực kinh phí hỗ trợ của nhà nước còn hạn chế, nhiều lãnh đạo Bộ, ngành

và địa phương trong thời gian qua chưa thực sự quan tâm đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, công tác giải quyết, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

Do đó, nhằm đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc giải quyết, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 về việc tiếp tục thực hiện giai đoạn 2015-2020 và điều chỉnh nội dung các dự án của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014. Ngoài ra, để tăng cường các hoạt động giải quyết, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý, năm 2015, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức tổng kết triển khai Nghị định số 66/2008/NĐ-CP nhằm sửa đổi, bổ sung Nghị định này, đồng thời ban hành kế hoạch tổng thể giai đoạn 2015-2020, kế hoạch năm 2015 để triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật, Quốc hội đã ban hành Luật luật sư, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020, Đề án "Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020" (theo Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ); Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 10/2014/TT-BTP ngày 01/7/2014 quy định nghĩa vụ và tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên đã và đang góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ luật sư và người thực hiện tư vấn pháp luật, qua đó góp phần tăng cường công tác hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp làm các thủ tục pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời.

III. Kiến nghị về công tác trợ giúp pháp lý

Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Định: Luật trợ giúp pháp lý ban hành năm 2006 và Nghị định 07/2007/NĐ-CP, Nghị định 14/2013/NĐ-CP quy định rõ các đối tượng được trợ giúp pháp lý, đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng này thực hiện các quan hệ pháp luật theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay tại địa phương nhu cầu được trợ giúp pháp lý ngày càng tăng, nhất là các đối tượng yếu thế trong xã hội gặp nhiều khó khăn, chưa có điều kiện để tham gia các quan hệ pháp luật khi có nhu cầu. Vì vậy, cử tri kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý theo hướng mở rộng một số đối tượng được trợ giúp pháp lý như: người từ 80 tuổi trở lên không nhất thiết phải sống cô đơn, không nơi nương tựa; người dân tộc thiểu số không phụ thuộc nơi thường trú là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phụ nữ bị bạo hành, người thuộc hộ cận nghèo.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý bao gồm: (1) Người nghèo; (2) Người có công với cách mạng; (3)

Người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa; (4) Người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hiện nay, một số đối tượng yếu thế trong xã hội, trong đó có đối tượng như ý kiến của cử tri đã nêu, chưa được ghi nhận là đối tượng được trợ giúp pháp lý theo Luật trợ giúp pháp lý hiện hành, do đó đã gặp nhiều khó khăn khi tham gia các quan hệ pháp luật khi có nhu cầu.

Tiếp thu kiến nghị của cử tri, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp vấn đề cử tri kiến nghị để báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội cho phép sửa đổi Luật trợ giúp pháp lý trong thời gian tới đây, trong đó có quy định về việc mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý so với quy định của Luật hiện hành, đảm bảo phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và tình hình kinh tế - xã hội của đất nước.

IV. Kiến nghị về công tác Lý lịch tư pháp

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn: Theo quy định của Luật lý lịch tư pháp năm 2009, cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp là Sở Tư pháp và Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay vẫn tồn tại việc cấp giấy xác nhận không có tiền án cho người đi lao động có thời hạn tại Đài Loan dựa trên văn bản số 68/CP-VX ngày 17/10/2000 của Chính phủ. Do đó, đề nghị Chính phủ xem xét bãi bỏ văn bản số 68/CP-VX nói trên để đảm bảo việc xác nhận tình trạng án tích cho công dân được áp dụng thống nhất căn cứ trên Luật lý lịch tư pháp.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Về vấn đề cử tri kiến nghị, trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, Bộ Tư pháp đã nhận thấy một số tồn tại trong việc thực hiện Luật lý lịch tư pháp. Ngày 14/3/2013, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 50/BC-BTP báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc cấp Giấy xác nhận không có tiền án cho người lao động đi làm việc ở Đài Loan. Theo đó, Bộ Tư pháp đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công an (Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát) dừng việc cấp Giấy xác nhận không có tiền án cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở Đài Loan; chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện thông báo, trao đổi trước với phía Đài Loan về việc sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp thay cho Giấy xác nhận không có tiền án khi xem xét tiếp nhận lao động Việt Nam để đảm bảo thuận lợi cho người dân.

Ngày 15 tháng 4 năm 2013, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 2925/VPCP-KGVX thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, theo đó, Phó Thủ tướng có ý kiến như sau:

(1) Việc giải quyết thủ tục cho người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cần đáp ứng yêu cầu của phía nước ngoài và bảo đảm đơn giản, thuận tiện cho người lao động. Bộ Công an tiếp tục thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 68/CP-VX ngày 17 tháng 2 năm 2000 về việc cấp Giấy xác nhận không có tiền án cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở Đài Loan.

(2) Bộ Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện tốt Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030; bảo đảm giải quyết nhanh chóng, thuận tiện thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người đi lao động nước ngoài đến những nước mà thủ tục của họ yêu cầu phải có Lý lịch tư pháp.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, hiện nay việc cấp Giấy xác nhận cho công dân Việt Nam đi lao động có thời hạn tại Đài Loan vẫn được thực hiện song song với việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Để đánh giá kỹ hơn về vấn đề này, thời gian tới đây, Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để xem xét về sự cần thiết duy trì việc cấp Giấy xác nhận cho công dân Việt Nam đi lao động có thời hạn tại Đài Loan, đảm bảo thuận tiện nhất, tránh phiền hà cho người dân.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Hà Tĩnh: Khoản 2 Điều 46 Luật lý lịch tư pháp quy định trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 thì không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thực tế thực hiện quy định này gây ra những khó khăn nhất định cho công dân đang đi công tác, lao động học tập ở địa phương khác hay ở nước ngoài. Để tạo thuận lợi cho công dân, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi quy định theo hướng được ủy quyền như thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định của Luật lý lịch tư pháp, nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp số 2 có những điểm khác biệt cơ bản với Phiếu lý lịch tư pháp số 1. Cụ thể: trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đã bị kết án thì Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (quy định tại điều 43 Luật lý lịch tư pháp) sẽ xác nhận có án tích (cả án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa), còn Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (quy định tại Điều 42 Luật lý lịch tư pháp), trong một số trường hợp sẽ xác nhận không có án tích. Chính vì sự khác biệt giữa 02 loại Phiếu như vậy, nên Phiếu lý lịch tư pháp số 2 chỉ được cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và cấp cho cá nhân để người đó được biết về lý lịch tư pháp của mình. Xuất phát từ tính chất và mục đích sử dụng của Phiếu lý lịch tư pháp số 2, Luật lý lịch tư pháp quy định cá nhân không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (khoản 2 Điều 46).

Thời gian vừa qua, một số cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài đã yêu cầu công dân Việt Nam và người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 để làm thủ tục xin thị thực nhập cảnh hoặc các thủ tục khác tại cơ quan đại diện. Điều này có thể gây bất lợi cho cá nhân, đặc biệt là những người đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích, đặt họ vào tình trạng bị phân biệt đối xử khi cơ quan có thẩm quyền xem xét về lý lịch tư pháp của họ.

Để giải quyết vấn đề này, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với Bộ Ngoại giao có Công hàm đề nghị các cơ quan đại diện ngoại giao

của nước ngoài tuân thủ quy định của Luật lý lịch tư pháp Việt Nam về mục đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2, không yêu cầu công dân Việt Nam phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 để làm thủ tục xin thị thực nhập cảnh hoặc các thủ tục khác tại cơ quan đại diện.

Về lâu dài, trong quá trình tổng kết thực tiễn thi hành Luật lý lịch tư pháp, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đề xuất Chính phủ về việc sửa đổi Luật lý lịch tư pháp theo hướng không cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cho cá nhân (như quy định của Luật lý lịch tư pháp hiện hành). Trước mắt, trong khi chưa sửa đổi Luật lý lịch tư pháp, để tạo điều kiện thuận lợi cho người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (cả phiếu số 1 và số 2), Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (*Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ*), theo đó, cá nhân có thể lựa chọn phương thức gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu và nhận kết quả cấp Phiếu qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký cấp Phiếu trực tuyến mà không phải trực tiếp đến trụ sở cơ quan cấp Phiếu để làm thủ tục, điều này sẽ góp phần giảm chi phí và phiền hà cho người dân khi thực hiện thủ tục có liên quan.

V. Kiến nghị về công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

1. Cử tri các tỉnh Lâm Đồng, Tây Ninh kiến nghị:

a) Cử tri tỉnh Lâm Đồng: Về quản lý hộ khẩu, hộ tịch quy về một mối giao cho cơ quan Tư pháp quản lý.

b) Cử tri tỉnh Tây Ninh: Dự thảo Luật căn cước đề nghị bỏ Giấy khai sinh trong khi Luật hộ tịch quy định phải thực hiện việc khai sinh, khai tử, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc có quy định thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

a) Thời gian qua, trong quá trình xây dựng và chỉnh lý Luật hộ tịch (do Bộ Tư pháp chủ trì) và Luật căn cước công dân (do Bộ Công an chủ trì), có nhiều ý kiến cho rằng cần thống nhất giao cho một cơ quan quản lý hộ khẩu, hộ tịch, căn cước công dân, đúng như phản ánh của cử tri. Tuy nhiên, đối tượng, mục đích quản lý hai lĩnh vực này có sự khác nhau và độc lập tương đối, cụ thể như: (1) Về đối tượng quản lý: đối tượng quản lý của hộ khẩu là nơi cư trú của cá nhân; đối tượng quản lý của hộ tịch là tổng thể các đặc điểm về nhân thân của cá nhân từ khi sinh ra đến khi chết như họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, giới tính, dân tộc, quan hệ hôn nhân, gia đình... (2) Về mục đích quản lý của hộ khẩu là phục vụ chức năng quản lý dân cư của Nhà nước; mục đích quản lý của hộ tịch là tạo ra cơ sở pháp lý (thông qua đăng ký) để bảo đảm cho cá nhân thực hiện những quyền cơ bản của mình.

Do đó, sau khi thảo luận, cân nhắc, để bảo đảm tính ổn định về chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội đã thông qua Luật hộ tịch và Luật căn cước công dân (có hiệu lực thi hành từ ngày

01/01/2016), trong đó giao chức năng quản lý hộ tịch cho Bộ Tư pháp³ và việc quản lý cư trú và căn cước công dân giao cho Bộ Công an⁴.

b) Khi trình Quốc hội dự án Luật hộ tịch và Luật căn cước công dân, Chính phủ đã thống nhất phương án cấp Giấy khai sinh cho trẻ em khi đăng ký khai sinh và cấp Thẻ căn cước cho trẻ em từ 14 tuổi trở lên. Nhận thấy việc cấp Giấy khai sinh và cấp thẻ căn cước trong giai đoạn hiện nay đều cần thiết, do vậy Quốc hội đã thông qua hai dự án Luật trên theo hướng: duy trì cấp Giấy khai sinh cho trẻ em khi đăng ký khai sinh (khoản 2 Điều 16 Luật hộ tịch) và cấp Thẻ căn cước công dân cho công dân từ đủ 14 tuổi trở lên (Điều 19 Luật căn cước công dân). Để đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân, Bộ Tư pháp đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tham mưu Chính phủ triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020, việc triển khai thực hiện thành công Đề án trên sẽ góp phần tạo đổi mới căn bản trong quản lý nhà nước về dân cư.

3. Kiến nghị của cử tri thành phố Hải Phòng: Cử tri phản ánh, hiện có khoảng 50.000 cô dâu Việt Nam lấy chồng và đang sinh sống tại Hàn Quốc, số lượng này dự báo sẽ còn tăng mạnh trong những năm tới. Như vậy, thế hệ trẻ em được sinh ra tại Hàn Quốc mang 2 dòng máu Việt - Hàn sẽ là rất lớn. Đề nghị có những chính sách cụ thể đối với cộng đồng người Việt, người có dòng máu Việt Nam sinh sống tại Hàn Quốc và có những chính sách riêng đối với nhóm đối tượng là trẻ em mang dòng máu Việt Nam trong việc đăng ký quốc tịch Việt Nam và làm các thủ tục, hồ sơ cần thiết theo quy định pháp luật.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta luôn thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, luôn coi người Việt Nam ở nước ngoài (bao gồm cả công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam) là bộ phận không tách rời của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Điều 6 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ quyền lợi chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài. Các cơ quan nhà nước ở trong nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thi hành mọi biện pháp cần thiết, phù hợp với pháp luật của nước sở tại, pháp luật và tập quán quốc tế để thực hiện sự bảo hộ đó”*. Trên cơ sở đó, Nhà nước ta đã và đang có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và tại Hàn Quốc nói riêng, trong đó có trách nhiệm bảo hộ đối với người Việt Nam cư trú ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam (vẫn là công dân Việt Nam).

³ Điều 66 Luật hộ tịch quy định: *“Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch ...”*.

⁴ Khoản 2 Điều 6 Luật cư trú: *“Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cư trú”*; Khoản 2 Điều 34 Luật cư trú quy định: *“Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân”*.

Mới đây, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam, theo đó quy định về người có quốc tịch Việt Nam (Điều 13) được sửa đổi, bổ sung như sau: (1) Người có quốc tịch Việt Nam bao gồm người đang có quốc tịch Việt Nam cho đến ngày Luật này có hiệu lực và người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật này; (2) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa mất quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn còn quốc tịch Việt Nam. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài chưa mất quốc tịch Việt Nam mà không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 của Luật này thì đăng ký với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để được xác định có quốc tịch Việt Nam và cấp Hộ chiếu Việt Nam... Trên cơ sở quy định của Luật, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế có liên quan đến công dân Việt Nam kết hôn với công dân Hàn Quốc và trẻ em là con của công dân Hàn Quốc và công dân Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để nắm tình hình kết hôn, di cư, sinh sống của công dân Việt Nam tại Hàn Quốc để kịp thời báo cáo Chính phủ có chế độ, chính sách giải quyết phù hợp, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhóm công dân này.

4. Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Lai Châu: Để triển khai đồng bộ các quy định của Luật công chứng (sửa đổi) và các quy định của pháp luật về chứng thực, đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định hợp nhất và thay thế các quy định về chứng thực đang có hiệu lực pháp luật như Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Đúng như ý kiến cử tri đã nêu, thời gian qua có nhiều văn bản quy định về chứng thực. Nhằm đảm bảo thuận lợi cho người dân trong quá trình áp dụng pháp luật cũng như để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, trong đó điều chỉnh thống nhất hoạt động chứng thực. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 và thay thế các nghị định quy định về

chứng thực, bao gồm: Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP, Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực và bãi bỏ Điều 4 của Nghị định số 06/2012/NĐ-CP của ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực.

VI. Kiến nghị về công tác hỗ trợ tư pháp

1. Cử tri tỉnh Ninh Thuận: Theo quy định hiện hành, thủ tục để người dân chuyển nhượng, tặng cho... quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì tất cả các thành viên trong hộ gia đình phải trực tiếp ký xác nhận trước mặt công chứng viên tại phòng công chứng. Cử tri cho rằng quy định như trên đang gây rất nhiều khó khăn cho người dân. Việc tập trung hết các thành viên trong hộ gia đình vào một thời điểm để đến phòng công chứng là rất khó, đặc biệt là các hộ dân sinh sống tại vùng sâu, vùng xa hoặc có người đang làm ăn sinh sống, làm ăn ngoài tỉnh. Cử tri kiến nghị cần sửa đổi quy định trên theo hướng: Khi người dân chuyển nhượng, tặng cho... quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì chỉ cần có văn bản đồng ý (có thể có xác nhận chữ ký của UBND cấp xã) của các thành viên trong gia đình là được, không cần tập trung hết các thành viên trong gia đình tại phòng công chứng.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Tài sản chung của hộ gia đình và việc định đoạt tài sản chung của hộ gia đình được quy định tại Điều 108, 109 Bộ luật dân sự năm 2005, theo đó, việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn phải được các thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý, đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý. Bên cạnh đó, Luật công chứng (sửa đổi) năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015) quy định: người yêu cầu công chứng phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên (khoản 1 Điều 48 Luật công chứng (sửa đổi) năm 2014). Những quy định này nhằm đảm bảo quyền lợi chung của hộ gia đình, đảm bảo chặt chẽ, an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch có sự tham gia của hộ gia đình. Cũng theo quy định của Bộ luật dân sự, các thành viên trong hộ gia đình có thể ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác thay mặt mình ký kết hợp đồng, giao dịch tại tổ chức hành nghề công chứng.

Do đó, tùy vào điều kiện cụ thể, khi tham gia giao dịch, các thành viên của hộ gia đình có thể lựa chọn việc cùng đến tổ chức hành nghề công chứng hoặc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác thay mặt mình đến tổ chức hành nghề công chứng để thực hiện việc công chứng. Triển khai thực hiện Luật công chứng (sửa đổi) năm 2014, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng (sửa đổi) để ban hành trong thời gian tới đây, trong đó hướng dẫn cụ thể hơn đối với vấn đề nêu trên để các tổ chức, cá nhân thực hiện.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn: Đề nghị xem xét bãi bỏ quy định về Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá vì theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, việc xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được giao cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được giao cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để bán đấu giá; trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá thì thành lập hội đồng để bán đấu giá. Triển khai thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, ngày 10/4/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2014/NĐ-CP quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, trong đó đã bãi bỏ quy định tại Điều 19 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP (quy định về việc thành lập Hội đồng bán đấu giá cấp huyện).

Như vậy, Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện quy định tại Điều 19 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP sẽ không còn tồn tại. Tuy nhiên, theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt vẫn được thành lập để bán đấu giá tài sản nhà nước, tài sản là quyền sử dụng đất giá có giá trị lớn, phức tạp hoặc trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện việc bán đấu giá. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang được Chính phủ giao xây dựng dự án Luật đấu giá tài sản; dự kiến dự án Luật sẽ được Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành vào năm 2016. Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu quy định chặt chẽ về điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng bán đấu giá tài sản, nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của Hội đồng này, đồng thời, đẩy mạnh việc xã hội hóa hoạt động bán đấu giá tài sản.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh, thành phố Hà Nội, An Giang: Cử tri phản ánh việc quy định công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được công chứng tại Phòng công chứng, Ủy ban nhân dân xã không được thẩm quyền công chứng gây tốn thời gian của người dân. Vì người dân ở các xã vùng sâu đoạn đường đến trung tâm Huyện thì xa, giao thông nông thôn kém; đồng thời, hiện tại Phòng công chứng huyện quá tải, người dân đến thực hiện giao dịch phải chờ đợi lâu.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Điều 167 Luật đất đai năm 2013 quy định một số hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất (trong đó có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) phải được công chứng hoặc chứng thực; việc công chứng thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng (Văn phòng công chứng, Phòng công chứng), việc chứng thực thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Quy định này của Luật đất đai xuất phát từ yêu cầu của việc chứng nhận các hợp đồng, văn bản phải mang tính chuyên nghiệp, do người được đào tạo về chuyên môn,

được nhà nước bổ nhiệm và uỷ quyền chứng nhận để bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên khi tham gia giao dịch, hoạt động này không đơn thuần là chứng thực hành chính.

Bên cạnh đó, trên cơ sở Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hoá chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, trong đó có nội dung về chuyển giao việc chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang các tổ chức hành nghề công chứng tại địa bàn cấp huyện. Tinh thần chung của việc chuyển giao là chỉ chuyển giao đối với những địa bàn cấp huyện mà đã có số lượng tổ chức hành nghề công chứng đảm đương được việc công chứng hợp đồng, giao dịch. Trước khi chuyển giao, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành khảo sát thực tế nhu cầu công chứng, chứng thực, khả năng đảm đương công chứng hợp đồng, giao dịch của các tổ chức hành nghề công chứng tại địa bàn dự kiến sẽ chuyển giao. Đến nay, Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước đã ban hành quyết định chuyển giao. Các quyết định chuyển giao đều nêu rõ thực hiện chuyển giao tại địa bàn cấp huyện cụ thể của địa phương (đây là những địa bàn đã được các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện đầy đủ các quy trình khi tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi ban hành quyết định), còn cấp huyện nào chưa chuyển giao thì người thực hiện các quyền về sử dụng đất được lựa chọn công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

Như vậy, việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực đã được thực hiện bài bản, chặt chẽ, phù hợp với điều kiện từng địa bàn, từng địa phương. Trong thời gian tới, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, Bộ Tư pháp sẽ tiến hành kiểm tra thực tế việc chuyển giao thẩm quyền này tại một số địa phương để có chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời các khó khăn mà địa phương gặp phải, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi có yêu cầu công chứng.

4. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn: Đề nghị xem xét tham mưu với Chính phủ có cơ chế đặc thù riêng để phát triển đội ngũ luật sư tại các tỉnh miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vì hiện nay, tại các tỉnh miền núi vùng cao, thiếu trầm trọng nguồn lực chất lượng cao để phát triển đội ngũ luật sư.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư được Quốc hội thông qua năm 2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013, Bộ Tư pháp có trách nhiệm “xây dựng, trình Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ cho Đoàn luật sư tỉnh đặc biệt khó khăn và các chính sách khác hỗ trợ phát triển nghề luật sư”. Trước đó, trên cơ sở quy định của Luật luật sư, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05/07/2011 phê duyệt Chiến lược phát triển nghề

luật sư đến năm 2020, trong đó có nhiệm vụ xây dựng chính sách ưu đãi đối với tổ chức, hoạt động luật sư ở các địa phương vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư và thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao, hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đối với tổ chức, hoạt động luật sư ở các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có số lượng luật sư dưới 15 người, để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2015.

VII. Kiến nghị về công tác thi hành án dân sự

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Hòa Bình, Gia Lai: Hiện nay, việc xử lý tài sản đảm bảo nợ vay đối với các Ngân hàng gặp nhiều khó khăn, các đối tượng vay thường không hợp tác. Nhiều vụ án đã được Tòa tuyên, tuy nhiên để đảm bảo thực hiện quyền con người thì quá trình tổ chức thi hành gặp rất nhiều khó khăn. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương có sự phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để có hướng dẫn cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn hiện nay cho các Ngân hàng. Đồng thời, phối hợp trong việc tổ chức thi hành án dân sự, đấu giá tài sản thế chấp, tránh tình trạng cơ quan đấu giá thông đồng với người tham gia đấu giá, gây thiệt hại cho khách hàng và Ngân hàng thương mại trong việc thu nợ.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Về vấn đề cử tri nêu, trong quá trình chỉ đạo thi hành án, Bộ Tư pháp đã có sự phối hợp chặt chẽ với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành án dân sự nói chung và các vụ án liên quan đến tín dụng ngân hàng nói riêng. Theo quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2008 thì việc thẩm định giá và bán đấu giá tài sản được giao cho các tổ chức chuyên nghiệp thực hiện và đương sự có quyền thỏa thuận hoặc chỉ định các tổ chức để thực hiện việc thẩm định giá hoặc bán đấu giá tài sản. Việc bán đấu giá tài sản trong thi hành án được thực hiện công khai theo đúng quy định về bán đấu giá tài sản. Tuy nhiên, trong thực tiễn tổ chức thi hành án còn gặp nhiều vướng mắc liên quan đến việc xử lý tài sản thi hành án khi không có người tham gia đấu giá, bán đấu giá không thành dẫn đến việc thi hành án bị kéo dài. Để khắc phục tình trạng này, Bộ Tư pháp đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015), trong đó, sửa đổi theo hướng quy định cụ thể, chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc xử lý tài sản không có người tham gia đấu giá, bán đấu giá không thành (Điều 104 Luật thi hành án dân sự).

Về vấn đề hạn chế và tránh tình trạng cơ quan đấu giá thông đồng với người tham gia đấu giá, Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của cử tri và sẽ tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong năm 2015. Bên cạnh đó Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu bổ sung các quy định nêu trên vào dự thảo Luật đấu giá tài sản để trình Quốc hội thông qua trong thời gian tới đây.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh, thành phố Cần Thơ, Lâm Đồng: Luật thi hành án dân sự (sửa đổi) không nên để người dân phải làm đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án phải có nghĩa vụ chứng minh tài sản của người bị thi hành án.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo pháp luật dân sự, một trong những nguyên tắc cơ bản là tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự nếu cam kết, thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trên cơ sở nguyên tắc này, Điều 6 Luật thi hành án dân sự năm 2008 quy định về thỏa thuận thi hành án, kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận; trường hợp đương sự không thực hiện đúng thỏa thuận thì có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành phần nghĩa vụ chưa được thi hành theo nội dung bản án, quyết định. Thực tiễn cũng cho thấy, sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nhiều trường hợp người được thi hành án chưa yêu cầu thi hành án ngay hoặc chỉ yêu cầu người phải thi hành án thi hành một phần nghĩa vụ thi hành án, thậm chí có trường hợp họ không yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về cách thức thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Do đó, để đảm bảo, tôn trọng quyền định đoạt của người được thi hành án trong thi hành bản án, quyết định, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, trong đó quy định người được thi hành án phải làm đơn yêu cầu thi hành án.

Bên cạnh đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự không quy định người được thi hành án phải có nghĩa vụ chứng minh tài sản của người bị thi hành án thông qua việc bỏ quy định về đơn yêu cầu thi hành án phải có nội dung thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án như Luật thi hành án dân sự năm 2008 và thay vào đó là quy định về người được thi hành án có quyền cung cấp thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, nếu có; đồng thời quy định trách nhiệm xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh Lạng Sơn: Pháp luật về thi hành án dân sự hiện nay còn nhiều văn bản hướng dẫn thi hành ban hành chậm, một số văn bản được ban hành nhưng quy định thiếu đồng bộ, cụ thể dẫn đến cách hiểu và vận dụng của các cơ quan còn khác nhau, đề nghị ban hành văn bản kịp thời, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Đúng như kiến nghị của cử tri, vào thời điểm trước khi Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, một số văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự được ban hành chậm hoặc thiếu đồng bộ, cụ thể.

Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Triển khai thi hành Luật, Bộ Tư

pháp đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật, trong đó đã xác định cụ thể thời gian, tiến độ, trách nhiệm ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, đảm bảo kịp thời và đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thi hành Luật.

4. Kiến nghị của cử tri tỉnh Lâm Đồng: Việc thi hành án kéo dài thời gian, đề nghị sửa đổi Luật thi hành án cần đặt ra chế tài thi hành án, trong đó có đối tượng là cơ quan nhà nước để đảm bảo quyền lợi cho nhân dân.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Đúng như ý kiến của cử tri đã nêu, trong thời gian qua, việc thi hành án dân sự trong nhiều trường hợp còn kéo dài, chưa theo đúng quy định của pháp luật. Vấn đề này xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, trong đó có nguyên nhân: chậm thi hành vụ việc của Chấp hành viên; sự phối hợp thiếu chặt chẽ của chính quyền địa phương; sự chống đối, thiếu hợp tác của người phải thi hành án...

Luật thi hành án dân sự năm 2008 cũng như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự không có quy định về chế tài trong việc tổ chức thi hành án. Tuy nhiên, Luật thi hành án dân sự năm 2008 cũng đã có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên (Điều 20), những việc Chấp hành viên không được làm (Điều 21), nhiệm vụ của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự... Đối với cơ quan nhà nước, chế tài trong việc thi hành án không được quy định trực tiếp trong Luật thi hành án dân sự mà được quy định tại các văn bản pháp luật khác có liên quan: Luật cán bộ, công chức, Luật tổ tụng hành chính, Bộ luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự, Luật tố tụng dân sự... theo đó, trong trường hợp Chấp hành viên, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, cán bộ, công chức các cơ quan thi hành án dân sự có vi phạm trong quá trình tổ chức thi hành án thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý khác nhau; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị có văn bản hướng dẫn liên tịch giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao đối với việc cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện hoặc không thực hiện công việc nhất định trong trường hợp Chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phải thi hành án về tội không chấp hành án theo quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong những năm qua, nhiều vụ việc thi hành án dân sự tồn đọng, kéo dài do đương sự cố tình trốn tránh trách nhiệm, mặc dù Bộ luật hình sự đã có quy định về tội không chấp hành án (Điều 304), song trên thực tế việc khởi tố

các vụ việc trên theo đề nghị của Chấp hành viên là rất ít do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi). Bộ Tư pháp sẽ nghiêm túc tiếp thu kiến nghị của cử tri, phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn sau khi Bộ luật hình sự (sửa đổi) được Quốc hội thông qua; đồng thời, trong quá trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo việc nghiên cứu, hướng dẫn về vấn đề cử tri nêu.

6. Kiến nghị của cử tri tỉnh Lào Cai: Cử tri đề nghị Bộ Tư pháp xem xét sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp người phải thi hành án là người nước ngoài; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Bộ, ngành liên quan rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn những vấn đề liên quan đến công tác thi hành án dân sự, tạo điều kiện cho các cơ quan thi hành án dân sự thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc thi hành án dân sự liên quan đến người nước ngoài, về nguyên tắc, áp dụng pháp luật thi hành án dân sự của Việt Nam để giải quyết. Đối với việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong thi hành án dân sự, Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự đã bổ sung quy định "Tương trợ tư pháp về dân sự trong thi hành án dân sự" để cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện.

Trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp sẽ rà soát các văn bản liên quan đến công tác thi hành án dân sự quy định cụ thể hơn về vấn đề này, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thi hành án đối với người phải thi hành án là người nước ngoài.

7. Kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện và ban hành Đề án về việc xử lý việc thi hành án tồn đọng để từng bước xóa bỏ "việc không có điều kiện thi hành" nhằm giảm số lượng vụ việc thi hành còn tồn tại nhưng không thể tổ chức thi hành; sớm ban hành quy định hướng dẫn khi giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản chuyển nhượng sau khi có bản án sơ thẩm, cơ quan Tòa án không đưa cơ quan thi hành án dân sự tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong các vụ việc tranh chấp tài sản thi hành án.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Việc xây dựng Đề án giải quyết việc thi hành án dân sự tồn đọng:

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo Đề án giải quyết việc thi hành án dân sự tồn đọng (sau này là dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về

việc miễn thi hành án đối với một số khoản thu nộp ngân sách nhà nước không có điều kiện thi hành). Dự thảo Nghị quyết đã được trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

Tại phiên họp ngày 14/5/2013, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhận thấy nhiều nội dung trong dự thảo Nghị quyết có liên quan đến quy định của Luật thi hành án dân sự, do đó, Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị cần đưa vấn đề này vào nội dung sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự để tạo cơ sở pháp lý cho việc xét miễn, giảm thi hành án. Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015), trong đó đã sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 61). Trong thời gian tới, với việc triển khai thực hiện các quy định mới của Luật sẽ góp phần giảm tỷ lệ án tồn đọng tại các địa phương trong thời gian tới.

b) Việc ban hành quy định hướng dẫn khi giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản chuyển nhượng sau khi có bản án sơ thẩm, cơ quan Tòa án không đưa cơ quan thi hành án dân sự tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong các vụ việc tranh chấp tài sản thi hành án

Bộ Tư pháp nhận thấy, việc chuyển nhượng tài sản sau khi có bản án sơ thẩm, về nguyên tắc cơ quan thi hành án dân sự chỉ được kê biên trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự. Do đó, nếu có tranh chấp tài sản do cơ quan thi hành án dân sự kê biên thì cơ quan thi hành án dân sự hướng dẫn đương sự thực hiện khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình, đồng thời, cơ quan thi hành án có thể tham gia với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan (theo yêu cầu của Tòa án). Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, giúp Chính phủ đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tiếp thu vấn đề cử tri kiến nghị.

Về việc cơ quan Tòa án không đưa cơ quan Thi hành án dân sự tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong các vụ việc tranh chấp tài sản thi hành án: Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định về người có quyền, nghĩa vụ liên quan, theo đó, người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong việc tranh chấp tài sản thì được tham gia tố tụng. Vì vậy, khi giải quyết tranh chấp tài sản do cơ quan thi hành án dân sự đã kê biên thì cơ quan thi hành án dân sự có liên quan đến việc tranh chấp đó. Việc đưa hay không đưa cơ quan thi hành án dân sự vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khi giải quyết các vụ việc này phụ thuộc vào việc áp dụng pháp luật và đánh giá tính chất vụ việc của Tòa án.

8. Kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Kiến nghị Bộ Tư pháp quan tâm việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, kho vật chứng đối với các cơ quan thi hành án đang khó khăn về vấn đề này nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu công tác của các cơ quan thi hành án dân sự.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết 49 NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020, Bộ Tư pháp luôn quan tâm đến việc đầu tư xây dựng trụ sở và kho vật chứng các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương trong đó có thành phố Hồ Chí Minh. Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 440/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 phê duyệt Đề án “Xây dựng trụ sở, kho vật chứng cho các cơ quan Thi hành án dân sự và xây dựng các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Tư pháp theo Nghị quyết 49NQ/TW, giai đoạn 2011-2015”, Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 điều chỉnh, bổ sung Quyết định 440/QĐ-TTg; tiếp đó Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 97/QĐ-BTP ngày 18/7/2011 phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án và Quyết định số 1512/QĐ-BTP ngày 19/6/2013 về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 97/QĐ-BTP.

Đến nay, về cơ bản, trụ sở của các cơ quan, đơn vị đã đáp ứng yêu cầu làm việc của cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương. Đối với các cơ quan Thi hành án dân sự tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư pháp đã đầu tư xây dựng trụ sở của 22/25 đơn vị; 03 đơn vị chưa có trụ sở⁵; một số đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc nhưng thiếu diện tích làm việc⁶ hoặc trụ sở đã xuống cấp⁷; đã đầu tư xây dựng kho vật chứng cho 10/25 đơn vị của thành phố, còn lại 15 đơn vị chưa có kho⁸.

Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, nên chưa bố trí kinh phí được theo kế hoạch; mặt khác, việc bố trí mặt bằng đất xây dựng khó khăn nên việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và kho vật chứng của một số đơn vị đến nay chưa thực hiện được đầy đủ kế hoạch, yêu cầu công việc.

Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020), Bộ Tư pháp dự kiến ưu tiên đầu tư xây dựng đủ trụ sở và đáp ứng 50% (08/15 đơn vị) có nhu cầu xây kho vật chứng của các cơ quan Thi hành án dân sự thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, đối với các cơ quan Thi hành án dân sự chưa đáp ứng điều kiện về mặt bằng xây dựng, Bộ Tư pháp đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị UBND các cấp quan tâm bố trí, hỗ trợ cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn; trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp có thể thực hiện việc đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu làm việc của các cơ quan Thi hành án dân sự.

⁵ Chi cục THADS quận 9, quận Thủ Đức và huyện Bình Chánh

⁶ Chi cục THADS huyện Cần Giờ

⁷ Chi cục THADS quận Bình Tân

⁸ Cục THADS TP Hồ Chí Minh, các Chi cục THADS quận 1, quận 5, quận 9, quận 10, quận 11, quận Gò Vấp, quận Phú Nhuận, quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức, quận Bình Tân, huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, huyện Nhà Bè

9. Kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Kiến nghị xây dựng các chế độ đãi ngộ đối với công chức khác làm việc trong cơ quan Thi hành án dân sự, như kế toán, thủ quỹ, thủ kho,... hoặc có cơ chế cho Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự sử dụng nguồn kinh phí thi hành án để hỗ trợ thu nhập cho các đối tượng này; khẩn trương sửa đổi các quy định của pháp luật về nghiệp vụ thi hành án theo hướng đảm bảo tính chặt chẽ về mặt pháp lý nhưng phải đơn giản hóa thủ tục để rút ngắn thời gian tổ chức thi hành án. Ngoài ra, cần quy định rõ thủ tục, trình tự và hình thức tạm ngừng thi hành án để giải quyết khiếu nại. Trong trường hợp bị hoãn, tạm đình chỉ thì có dừng việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hay không vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Về xây dựng các chế độ đãi ngộ đối với công chức khác (kế toán, thủ kho, thủ quỹ...) làm công tác thi hành án dân sự: Bộ Tư pháp nhận thấy, việc áp dụng chế độ đãi ngộ đối với công chức khác (thủ kho, thủ quỹ...) trong ngành thi hành án dân sự đã có cơ chế chung như các Bộ, ngành khác. Cụ thể như: Công chức làm công tác Kế toán thi hành án dân sự được hưởng phụ cấp Kế toán theo quy định tại Thông tư số 163/2013/TTLT/BTC-BNV ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước; Công chức làm công tác Thủ kho được hưởng chế độ phụ cấp độc hại quy định tại Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước tại thời điểm hiện nay: dừng lại tất cả việc ban hành các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của Bộ, ngành Tư pháp, kể cả đối với các Bộ, ngành khác. Do vậy, việc đề nghị các chế độ, chính sách đối với các đối tượng nêu trên vào thời điểm này là chưa phù hợp với chủ trương, chính sách của nhà nước nói chung, nhất là trong điều kiện hiện tại nền kinh tế - xã hội của đất nước còn gặp rất nhiều khó khăn.

b) Đối với việc áp dụng cơ chế riêng cho Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự sử dụng nguồn phí thi hành án để hỗ trợ thu nhập cho kế toán, thủ kho, thủ quỹ...: Bộ Tư pháp nhận thấy, chế độ chi đối với nguồn phí được để lại tại cơ quan thu phí được thực hiện theo Pháp lệnh Phí và lệ phí năm 2001, Nghị định 57/2002/NĐ-CP, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn. Cụ thể, đối với nguồn phí thi hành án dân sự được để lại tại các cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 22/9/2010 và Thông tư liên tịch số 136/2012/TTLT-BTP-BTC ngày 16/8/2012. Căn cứ quy định tại các văn bản trên, Thủ trưởng các cơ quan Thi hành án dân sự xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để quản lý và sử dụng nguồn phí thi hành án theo đúng quy định của pháp luật. Việc đề nghị có cơ chế riêng cho Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự sử dụng nguồn kinh phí thi hành án để hỗ trợ thu nhập cho kế toán, thủ kho, thủ quỹ... là chưa phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Về việc quy định rõ thủ tục, trình tự và hình thức tạm ngừng thi hành án để giải quyết khiếu nại:

Liên quan đến quy định về trình tự, thủ tục và hình thức tạm ngừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 Luật thi hành án dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có quyền: "...b) *Tạm dừng việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tạm ngừng việc thi hành án trong thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật này, nếu xét thấy việc thi hành án sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc ảnh hưởng đến việc giải quyết khiếu nại...*".

Như vậy, theo quy định trên thì trong quá trình giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự, nếu xét thấy việc thi hành quyết định, hành vi bị khiếu nại sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc ảnh hưởng đến việc giải quyết khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có quyền tạm dừng hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tạm ngừng việc thi hành án trong thời hạn giải quyết khiếu nại. Trong trường hợp này, hiện nay chưa có quy định về hình thức văn bản của việc yêu cầu tạm dừng thi hành án của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với cơ quan thi hành án được thực hiện bằng công văn yêu cầu hay quyết định tạm dừng.

Về nội dung này, để có sự thống nhất chỉ đạo chung, trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp sẽ có quy định về thủ tục, trình tự và hình thức tạm ngừng thi hành án để giải quyết khiếu nại.

d) Về yêu cầu làm rõ "trong trường hợp bị hoãn, tạm đình chỉ thì có dừng việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hay vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại, tố cáo":

Theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật thi hành án dân sự quy định về quyền khiếu nại về thi hành án, theo đó "...*Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình...*"; Điều 154 quy định về người có quyền tố cáo, theo đó: "*Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên và công chức khác làm công tác thi hành án dân sự gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức*". Pháp luật về thi hành án dân sự không quy định trường hợp dừng việc giải quyết khiếu nại, tố cáo khi vụ việc bị hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành án.

Như vậy, theo quy định tại các quy định nêu trên, khi có căn cứ cho rằng Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên và công chức khác làm công tác thi hành án dân sự làm trái pháp luật, vi phạm pháp luật thì các đương sự có quyền khiếu nại, tố cáo. Theo đó, kể cả khi đã có căn cứ để hoãn thi hành

án quy định tại Điều 48 và tạm đình chỉ thi hành án quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn phải xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 142 và Điều 157 của Luật này.

10. Kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Sửa đổi quy định về phân loại án theo hướng: phân loại tất cả các vụ việc do nguyên nhân khách quan dẫn đến cơ quan thi hành án không thể tổ chức thi hành dứt điểm được vụ việc là loại việc chưa có điều kiện thi hành.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII, trong đó có quy định rõ việc xác định vụ việc chưa có điều kiện thi hành án tại khoản 1, Điều 44a, cụ thể:

“1. Căn cứ kết quả xác minh điều kiện thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phải thi hành án không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng và không có tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án;

b) Người phải thi hành án phải thi hành nghĩa vụ về trả vật đặc định nhưng vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không thể sử dụng được; phải trả giấy tờ nhưng giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại được mà đương sự không có thỏa thuận khác;

c) Chưa xác định được địa chỉ, nơi cư trú của người phải thi hành án, người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng.”

Như vậy, các trường hợp trên đều là các trường hợp do nguyên nhân khách quan dẫn đến việc cơ quan thi hành án chưa thể tổ chức thi hành dứt điểm được vụ việc và được coi là việc chưa có điều kiện thi hành theo quy định. Như vậy, vấn đề cử tri nêu đã được giải quyết theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

11. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Định: Đề nghị quan tâm chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự phối hợp với UBND tỉnh Bình Định xem xét giải quyết dứt điểm vụ khiếu nại của bà Đặng Thị Thông, trú tại tổ 28, khu vực 5, phường Nguyễn Văn Cừ, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định về việc xử lý hệ quả thi hành án trái pháp luật, mặc dù Tổng cục Thi hành án dân sự đã có văn bản số 1645/TCTHADS-GQKNTC ngày 12/6/2014 chỉ đạo yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định báo cáo UBND tỉnh hướng giải quyết theo 02 phương án, vì cả 02 Phương án của Tổng cục Thi hành án dân sự đưa ra đều không khả thi, không phù hợp với thực tế và nguyện vọng của bà Đặng Thị Thông (Bà Thông đã có đơn khiếu nại sự việc này từ năm 2000 đến nay vẫn chưa được giải quyết xong).

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Liên quan đến nội dung khiếu nại của bà Thông, Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng đã nhận được chất vấn của Đại biểu Quốc hội Nguyễn Thanh Thụy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định. Ngày 20/11/2014, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 4795/BTP-TCTHADS trả lời Đại biểu Nguyễn Thanh Thụy, trên cơ sở kiến nghị của cử tri, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định bán đấu giá nhà, đất của bà Đặng Thị Thông tại tổ 38, khu vực 4, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn để bảo đảm thi hành bản án số 182/DSST ngày 29/4/1998 là có thiếu sót, gây thiệt hại cho bà Thông. Tuy nhiên, do đây là vụ việc phức tạp, trong quá trình giải quyết có nhiều vướng mắc, ý kiến giữa các cơ quan còn khác nhau nên thời gian giải quyết vụ việc bị kéo dài.

Để giải quyết vụ việc này, thời gian qua Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức nhiều cuộc họp, có nhiều công văn chỉ đạo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn⁹; trực tiếp làm việc với Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Bộ Tư pháp đã tổ chức họp liên ngành về vụ việc... Trên cơ sở kết quả làm việc với các cơ quan có liên quan, ngày 18/9/2014, Tổng cục Thi hành án dân sự đã có Công văn số 2958/TCTHADS-GQKN, yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết khiếu nại của bà Thông để có căn cứ giải quyết bồi thường theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Ngày 10/10/2014, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-THADS chấp nhận khiếu nại của bà Thông. Căn cứ vào kết quả giải quyết khiếu nại, ngày 15/10/2014, bà Thông đã có đơn yêu cầu bồi thường.

Trên cơ sở đơn yêu cầu bồi thường của bà Thông, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo, hướng dẫn Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định hoàn thiện hồ sơ để giải quyết bồi thường cho bà Thông theo quy định; ngay sau khi nhận được hồ sơ, Bộ Tư pháp sẽ có văn bản đề nghị Bộ Tài chính làm thủ tục cấp kinh phí bồi thường cho bà Đặng Thị Thông theo quy định của pháp luật.

12. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Ninh: Đề nghị chỉ đạo các Bộ, ngành ngành có liên quan như: Thi hành án tiến hành nhanh hơn nữa các thủ tục thi hành án, bán đấu giá tài sản để hỗ trợ ngành Ngân hàng thực hiện tốt việc xử lý nợ xấu, thu hồi nợ và tiếp tục hỗ trợ trong việc đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và hợp đồng giao dịch bảo đảm, bảo lãnh tín dụng.

⁹ Các Công văn số 1226/BTP-THA ngày 12/5/2010; số 3002/TCTHA-NV1 ngày 14/10/2010; số 3104/TCTHA-NV1 ngày 31/8/2011; số 7222/TCTHADS-KHTC ngày 09/5/2012; số 2650/TCTHADS-GQKN.TC ngày 11/10/2013; số 3428/TB-TCTHADS ngày 06/12/2013; số 554/TCTHADS-GQKN.TC ngày 05/3/2014; số 726/TB-TCTHADS ngày 20/3/2014; số 790/TCTHADS-GQKN.TC ngày 27/3/2014; số 2282/TCTHADS-GQKN.TC ngày 25/7/2014.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Về việc tiến hành nhanh hơn nữa các thủ tục thi hành án, bán đấu giá tài sản để hỗ trợ ngành Ngân hàng thực hiện tốt việc xử lý nợ xấu, thu hồi nợ

Để triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán Ngân sách nhà nước năm 2014, Bộ Tư pháp đã ban hành chương trình hành động của ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tổng cục Thi hành án dân sự đã ban hành Quyết định số 572/QĐ-TCTHADS ngày 25/8/2014 ban hành Kế hoạch thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ và xử lý dứt điểm các vụ việc thi hành án dân sự liên quan đến các tổ chức tín dụng để tạo điều kiện thu hồi nợ, giảm nợ xấu và mở rộng tín dụng.

b) Về việc tiếp tục hỗ trợ trong việc đăng ký giao dịch bảo đảm (ĐKGDBĐ), công chứng và hợp đồng giao dịch bảo đảm, bảo lãnh tín dụng

Thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm trên phạm vi cả nước, Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về ĐKGDBĐ (Nghị định 83/2012/NĐ-CP) và các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 83/2012/NĐ-CP trong các lĩnh vực bất động sản, tàu bay, tàu biển và các động sản khác. Về cơ bản, việc ban hành các văn bản nêu trên đã đáp ứng các yêu cầu cải cách thủ tục hành chính theo hướng cải tiến quy trình đăng ký, cung cấp thông tin, đảm bảo thuận tiện, khoa học và giảm chi phí như: quy định phương thức đăng ký trực tuyến, thư điện tử; đơn giản và minh bạch hóa hồ sơ, thủ tục đăng ký; loại bỏ các giấy tờ không cần thiết trong hồ sơ; rút ngắn thời hạn giải quyết từ 3 đến 5 ngày xuống còn “ngay trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

Nhằm triển khai có hiệu quả công tác ĐKGDBĐ, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, cơ quan ĐKGDBĐ phối hợp, hỗ trợ các tổ chức tín dụng thực hiện thủ tục ĐKGDBĐ, cụ thể: Bộ Tư pháp đã ban hành văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn Công ty quản lý tài sản thực hiện việc ĐKGDBĐ được nhanh chóng, đúng pháp luật, đồng thời bố trí cán bộ thường xuyên tiếp nhận, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình Công ty quản lý tài sản thực hiện các quy định của pháp luật về ĐKGDBĐ; chỉ đạo Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có văn bản yêu cầu các Trung tâm Đăng ký quốc gia giao dịch, tài sản thuộc Cục triển khai hỗ trợ hoạt động của Công ty quản lý tài sản theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam...

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về ĐKGDBĐ và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ

đạo các đơn vị trực thuộc, cơ quan ĐKGDBĐ theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục ĐKGDBĐ.

13. Kiến nghị của cử tri tỉnh Nghệ an: Đề nghị Chính phủ sớm ban hành cơ chế phối hợp giữa các ngành liên quan: Ngân hàng, Tòa án, Thi hành án, Công an trong việc xử lý tài sản đảm bảo.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Về vấn đề cử tri nêu, ngày 09/10/2013 Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao ký Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự (Quy Chế số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC), trong đó đã quy định cụ thể cơ chế phối hợp trong xử lý tài sản đảm bảo thi hành án.

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các vụ việc thi hành án liên quan đến các tổ chức tín dụng Ngân hàng, hiện tại, Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xây dựng dự thảo Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong công tác thi hành án, trong đó có nội dung phối hợp trong kiểm tra, chỉ đạo thi hành những vụ án lớn, phức tạp, khó thi hành liên quan đến tổ chức tín dụng, ngân hàng. Theo Kế hoạch, quy chế sẽ được ký ban hành trong quý I năm 2015. Việc ban hành Quy chế sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thi hành án dân sự đối với những vụ việc liên quan đến tổ chức Tín dụng, Ngân hàng.

14. Kiến nghị của cử tri tỉnh Lạng Sơn: Việc thực hiện chỉ tiêu thi hành án dân sự thời gian qua còn có một số bất cập, một số chỉ tiêu chưa phù hợp thực tiễn thi hành án, định mức chỉ tiêu cao, đề nghị xem xét có quy định phù hợp.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 27/11/2013, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 63/2013/QH13 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó giữ nguyên các chỉ tiêu về thi hành án dân sự như Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2013. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp ban hành quyết định về giao chỉ tiêu nhiệm vụ cho hệ thống các cơ quan thi hành án dân sự trong những năm qua và năm 2015. Việc giao chỉ tiêu của Bộ Tư pháp đáp ứng được các yêu cầu đặt ra, thiết thực, thúc đẩy và tạo động lực cho việc nâng cao kết quả thi hành án dân sự, giảm việc chuyển kỳ sau.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đã có kiến nghị, đề xuất với Quốc hội khi giao chỉ tiêu về việc và thi hành xong về tiền trên tổng số việc và tiền có điều kiện giải quyết. Khi tính toán định mức giao chỉ tiêu ngoài việc căn cứ vào kết quả thực hiện chỉ tiêu năm trước, cần khảo sát, đánh giá dự báo tình hình kinh tế, xã hội của năm kế hoạch và dự báo khả năng hoàn thành nhiệm vụ để giao chỉ tiêu phù hợp. Tuy nhiên, năm 2015, Quốc hội không thay đổi chỉ tiêu thi hành án dân sự đã giao, do đó, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục

ngiên cứu và thể chế hóa vào Thông tư thay thế Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự để bảo đảm tính phù hợp với thực tiễn, khả thi.

15. Kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang: Cử tri đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành phần mềm về thống kê thi hành án dân sự, về quản lý hồ sơ thi hành án và giải quyết đơn khiếu nại tố cáo. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao sớm có văn bản trả lời các vụ việc giám đốc thẩm tại địa phương một cách nhanh chóng.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Về việc sớm ban hành phần mềm về thống kê thi hành án dân sự, về quản lý hồ sơ thi hành án và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo

Việc xây dựng phần mềm về thống kê thi hành án dân sự, về quản lý hồ sơ thi hành án và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo là vấn đề quan trọng, được Bộ Tư pháp quan tâm chỉ đạo thực hiện, cụ thể: Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 3416/QĐ-BTP ngày 22/12/2014 phê duyệt Đề án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các quan thi hành án dân sự, trong đó cũng đã xác định nhiệm vụ "Xây dựng và triển khai Phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án dân sự và báo cáo thống kê thi hành án dân sự theo chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật". Triển khai thực hiện nhiệm vụ này, Bộ Tư pháp đã giao Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh là chủ đầu tư, triển khai xây dựng phần mềm. Hiện tại Cục Thi hành án dân sự thành phố đang thực hiện việc xây dựng phần mềm này; ngay sau khi phần mềm được hoàn thiện, Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo việc áp dụng rộng rãi tại các cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

b) Về việc phối hợp với Tòa án nhân dân sớm có văn bản trả lời các vụ việc giám đốc thẩm tại địa phương một cách nhanh chóng

Theo quy định, tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự thì "Trường hợp phát hiện có căn cứ để xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án được thi hành thì Thủ trưởng cơ quan Thi hành án nơi đang tổ chức thi hành vụ việc có trách nhiệm kiến nghị với người có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định đó. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị, người có thẩm quyền phải trả lời kiến nghị". Tuy nhiên, trên thực tế có một số vụ việc quá thời hạn 45 ngày nhưng cơ quan Thi hành án dân sự không nhận được trả lời từ Tòa án nên khó khăn trong việc tổ chức thi hành án. Ngày 14/01/2015, Bộ Tư pháp đã có văn bản (Công văn số 120/BTP-TCTHADS) rà soát, thống kê, tổng hợp, lập danh sách những vụ việc tuyên không rõ, có sai sót, khó thi hành gửi Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để phối hợp, thống nhất biện pháp xử lý.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong việc tháo gỡ các vụ việc có liên quan để việc thi hành án được triển khai một cách nhanh chóng.

16. Kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Cần có quy định hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục, phương pháp định giá đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ (theo yêu cầu tại khoản 2 Điều 85 Luật thi hành án dân sự); tài sản là giấy tờ có giá như cổ phiếu, trái phiếu... nhằm tạo điều kiện thuận lợi khi áp dụng trong thực tế.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Đúng như ý kiến của cử tri đã nêu, trình tự, thủ tục, phương pháp định giá đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ thời gian qua chưa được quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, cùng với việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, hướng dẫn, quy định chi tiết về vấn đề này.

VIII. Kiến nghị về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh: Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương giá trị tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước. Quy định này trên thực tế rất khó có tính khả thi, đối tượng không thực hiện được, áp dụng cưỡng chế cũng rất khó, vì đương sự không có tài sản. Đề nghị điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Quy định tại khoản 1, Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính là quy định mới, nhằm bảo đảm quyền lợi của chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp trong trường hợp họ bị đối tượng vi phạm chiếm đoạt, sử dụng trái phép tài sản và sử dụng làm công cụ, phương tiện vi phạm hành chính. Đồng thời, quy định này cũng nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật thông qua việc buộc đối tượng vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước. Đoạn 3 khoản 1, Điều 26 của Luật cũng quy định, nếu chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Việc quy định đối tượng vi phạm hành chính phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện bị tịch thu thực chất là để buộc đối tượng bị xử phạt phải thực hiện hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện

vi phạm hành chính bằng tài sản của bản thân mình để bảo đảm sự công bằng và tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, trên thực tế, đối tượng vi phạm không có khả năng nộp khoản tiền nêu trên, đồng thời cũng không có tài sản nên việc cưỡng chế thực hiện quyết định này cũng rất khó thực hiện, đúng như ý kiến của cử tri đã nêu. Đây cũng là một trong những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính thời gian qua.

Hiện nay, các Nghị định quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính chưa quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể nội dung này của khoản 1 Điều 126. Do đó, để bảo đảm thực hiện thống nhất thẩm quyền, trình tự, thủ tục đối với khoản 1 Điều 126 thì cần phải có quy định cụ thể hơn về vấn đề này để việc triển khai áp dụng pháp luật trên thực tế được thuận lợi, theo đó, trước mắt Bộ Tư pháp dự kiến sẽ báo cáo, đề xuất Chính phủ quy định bổ sung Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, bao gồm cả nội dung tại khoản 1 Điều 126 nêu trên. Về lâu dài, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp ý kiến của cá nhân, cơ quan, tổ chức về việc thực hiện khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính, trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp sẽ có báo cáo Chính phủ xem xét, kiến nghị với Quốc hội sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật này nếu thấy cần thiết.


2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Phước: Theo điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định đối tượng nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định thì áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Quy định này gây khó khăn cho địa phương trong việc thực hiện quản lý, giáo dục đối với các đối tượng nghiện ma túy sống ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng. Bên cạnh đó, một số đối tượng khi chuyển về địa phương không chú tâm cai nghiện mà còn có hành vi lôi kéo, dụ dỗ các thanh niên khác phạm tội gây mất an ninh, trật tự cho địa phương. Đề nghị Chính phủ xem xét lại quy định này theo hướng giao các đối tượng nghiện ma túy về cho các trung tâm cai nghiện quản lý để đảm bảo cho các đối tượng có điều kiện cai nghiện tốt hơn, đồng thời không ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính, một trong những đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là "người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định"; quy định trên của Luật đã được quy định chi tiết tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP. Qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thời gian qua, Bộ Tư pháp nhận thấy quy định trên có gây khó khăn cho một số địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, đúng như cử tri đã phản ánh. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của cử tri và đang tiếp tục theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó có nội dung như cử tri

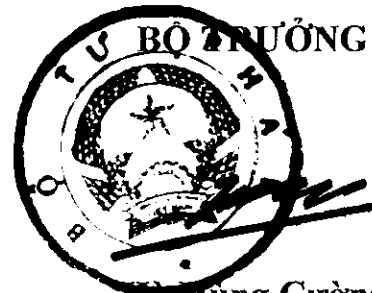
kiến nghị, đề báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc xem xét, kiến nghị với Quốc hội sửa đổi quy định trong Luật này nếu thấy cần thiết.

Tuy nhiên, về vấn đề này, Bộ Tư pháp cũng xin trao đổi thêm: Khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã quy định biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được áp dụng đối với trường hợp người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định sau khi áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp trả lời 57 kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIII (53 kiến nghị do Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội chuyển; 04 kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, xin kính gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, trả lời cử tri. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề báo cáo);
- Phó TTgCP Nguyễn Xuân Phúc (đề báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để theo dõi, thực hiện);
- Các Sở Tư pháp, Cục THADS (nơi có kiến nghị);
- Công TTĐT (đăng trang Hướng dẫn nghiệp vụ);
- Lưu: VT, VP(TH).



Hà Hùng Cường